

Bản án số: 41/2023/HS-ST
Ngày: 21-9-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga
Thẩm phán: Ông Nguyễn Viết Hùng
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Diệu
Ông Phạm Quang Hà
Ông Vũ Minh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Phương Tình, bà Hoàng Minh Thư - Thư ký
Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Xuân Minh; bà Vũ Thị Thúy Mai - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong các ngày 13, 14, 21 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 33/2023/HSST ngày 26 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2023/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 8 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Đoàn Thế Nam, sinh năm 1959 tại Phú Thọ; nơi cư trú: Số 52, đường Lê Duẩn, khu phố Tân Phú, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Hưu trí; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Đức Sứng và bà Lê Thị La; bị cáo có vợ Mai Thị Quế và 02 người con, lớn nhất sinh năm 1984, nhỏ nhất sinh năm 1989; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/11/2021 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Nguyễn Trung Tín, sinh năm 1980 tại Bình Định; nơi cư trú: Khu tập thể Trường Cao đẳng nghề Bình Phước tại khu phố 2, phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Viên chức; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Công Kê và bà Hà Thị Sẻ; bị cáo có vợ Nguyễn Thị Thương và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án,

tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/11/2021 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Lê Thành Trung, sinh năm 1979 tại Nghệ An; nơi cư trú: Khu phố 4, phường Minh Hưng, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Viên chức; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thanh Bình và bà Ngô Thị Thương; bị cáo có vợ Hồ Thị Thủy và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/11/2021 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Đoàn Thế Nam:

Ông Hoàng Minh Quang là Luật sư của Văn phòng Luật sư Hoàng Minh thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bình Phước; địa chỉ: Quốc lộ 14 phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (vắng mặt)

Ông Lê Văn Thư là Luật sư của Công ty luật TNHH Thành Thái thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội; địa chỉ: Tổ 13, phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội (có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trung Tín: Bà Nguyễn Lan Oanh là Luật sư của Công ty TNHH MTV TS Việt Nam; địa chỉ: 194/6 Nguyễn Trọng Tuyển, phường 8, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Thành Trung:

Ông Lê Văn Nam là Luật sư của Công ty luật Hợp danh Đông Á thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bình Phước; địa chỉ: 37 Trần Quý Khách, phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

Bà Đỗ Thị Huệ là Luật sư của Công ty luật TNHH Đông Á, chi nhánh Chơn Thành, Bình Phước; địa chỉ: 315A Nguyễn Huệ, khu phố Trung Lợi, phường Hưng Long, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (có mặt)

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. UBND tỉnh Bình Phước; địa chỉ: Đường 6 tháng 1, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, Bình Phước (Ủy quyền cho Sở lao động và thương binh xã hội tham gia tố tụng) (có mặt)

2. Văn phòng UBND tỉnh Bình Phước; địa chỉ: Đường 6 tháng 1, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, Bình Phước (có đơn xin xét xử vắng mặt)

3. Sở Tài chính tỉnh Bình Phước; địa chỉ: Quốc lộ 14, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, Bình Phước (có mặt)

4. Sở Lao động-Thương binh và xã hội tỉnh Bình Phước; địa chỉ: Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, Bình Phước (có mặt)

5. Trường Cao đẳng Bình Phước; địa chỉ: Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (có mặt)
7. Kho bạc thị xã Chơn Thành; địa chỉ: Đường Nguyễn Văn Linh, khu phố Trung Lợi, phường Hưng Long, thị xã Chơn Thành, Bình Phước (có đơn xin xét xử vắng mặt)
8. Ông Nguyễn Văn Ngọc, sinh năm 1959; nơi cư trú: Số 22, đường 13 A, phường Phú Thọ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (có mặt)
9. Ông Đỗ Xuân Lợi, sinh năm 1982; nơi thường trú: Tổ 9, ấp Thanh Xuân, xã Thanh Phú, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước; chỗ ở hiện nay: Ấp 4, xã Trừ Văn Thố, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương (Có mặt)
10. Ông Lê Văn Tuấn, sinh năm 1979; nơi cư trú: Tổ 04, ấp 4, xã Trừ Văn Thố, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương (vắng mặt)
11. Ông Nguyễn Văn Dung, sinh năm 1963, nơi cư trú: Tổ 4, Khu phố Trung Lợi, phường Hưng Long, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (có mặt)
12. Ông Bùi Xuân Sỹ, sinh năm 1977; nơi cư trú: Tổ 11, ấp 2, thị trấn Chơn Thành, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (có mặt)
13. Ông Nguyễn Văn Cường, sinh năm 1979; nơi cư trú: khu phố 12, phường Minh Hưng, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (có mặt)
14. Ông Nguyễn Thái Quang, sinh năm 1979; nơi cư trú: Tổ 02, khu phố 3, phường Hưng Long, thị xã Chơn Thành, Bình Phước (vắng mặt)
15. Bà Phạm Thị Lương, sinh năm 1990; nơi cư trú: Tổ 04, khu phố Hưng Phú, phường An Lộc, thị xã Bình Long, Bình Phước (vắng mặt)
16. Ông Trần Dũng, sinh năm 1987; nơi cư trú: Tổ 7, khu phố 7, phường Hưng Long, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (vắng mặt)
17. Ông Nguyễn Thành Mười, sinh năm 1983; nơi cư trú: Khu phố Trung Lợi, phường Hưng Long, thị xã Chơn Thành, Bình Phước (có đơn xin xét xử vắng mặt)
18. Ông Nguyễn Văn Năm, sinh năm 1976; nơi cư trú: Tổ 1, khu phố Phú Sơn, phường An Lộc, thị xã Bình Long, Bình Phước (vắng mặt)
19. Ông Nguyễn Anh Dũng, sinh năm 1982; nơi cư trú: Tổ 14, ấp 4, xã Trừ Văn Thố, huyện Bàu Bàng, Bình Dương (có mặt)
20. Ông Nguyễn Văn Thịnh, sinh năm 1985; nơi cư trú: Khu phố 5, phường Tiến Thành, thành phố Đồng Xoài, Bình Phước (có mặt)
21. Ông Cao Minh Đức, sinh năm 1981; nơi cư trú: Tổ 4, khu phố 4, phường Minh Hưng, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (có mặt)
22. Nguyễn Anh Tuấn, sinh năm 1983; nơi cư trú: Tổ 21, khu phố Tân Mai, phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt)

23. Ông Phạm Văn Hải, sinh năm 1982; nơi thường trú: Số 9, đường số 7, khu phố 4, phường An Khánh, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở hiện nay: A1, 0606, Chương Dương Home, số 34, đường 12, phường Trường Thọ, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

24. Ông Phan Văn Phúc, sinh năm 1979; nơi cư trú: Tổ 9A, khu phố 2, phường Hưng Long, thị xã Chơn Thành, Bình Phước (vắng mặt)

25. Ông Trần Duy Đông, sinh năm 1982; nơi cư trú: Nhà số 403/52/43 TCH10, tổ 2, khu phố 8, phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

26. Ông Hoàng Thanh Vân, sinh năm 1982; nơi cư trú: Khu phố Hòa Vinh 2, phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (có mặt)

27. Bà Hồ Thị Thanh, sinh năm 1971; nơi cư trú: Ấp Tân Bình 2, xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước (vắng mặt)

28. Ông Nguyễn Ngọc Long, sinh năm 1982; nơi cư trú: 203 đường 30 tháng 4, phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin xét xử vắng mặt)

29. Ông Trương Đình Quang, sinh năm 1980; nơi cư trú: Ấp Bà Ký, xã Long Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt)

30. Bà Nguyễn Thị Thùy Trinh, sinh năm 1986; nơi cư trú: Tổ 1, khu phố 4, phường Hưng Long, thị xã Chơn Thành, Bình Phước (vắng mặt)

31. Ông Trần Quang Hậu, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn 2, xã Nghĩa Trung, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước (vắng mặt)

32. Bà Lê Thị Hương, sinh năm 1976; nơi cư trú: Tổ 2, khu phố 2, phường Hưng Long, thị xã Chơn Thành, Bình Phước (vắng mặt)

33. Bà Lê Thúy Vân, sinh năm 1986; nơi cư trú: Ấp Long Thuận 2, xã Long Điền A, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt)

34. Ông Nguyễn Công Hoan, sinh năm 1985; nơi cư trú: Ấp 2, xã Minh Thắng, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (vắng mặt)

35. Bà Chu Thị Hoa, sinh năm 1988; nơi cư trú: Khu phố Trung Lợi, phường Hưng Long, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (vắng mặt)

36. Bà Nguyễn Thị Thương, sinh năm 1986; nơi cư trú: Khu tập thể Trường cao đẳng tỉnh Bình Phước - khu phố 2, phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (có mặt)

37. Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân, sinh năm 1987; nơi cư trú: Tổ 7, khu phố 7, thị trấn Chơn Thành, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (có đơn xin xét xử vắng mặt)

38. Bùi Thị Thom, sinh năm 1980; nơi cư trú: Tổ 1, khu phố 2, phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (có mặt)
39. Ông Lê Viết Thành, sinh năm 1988; nơi cư trú: Tổ 09, khu phố 10, phường Hưng Long, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (có mặt)
40. Bà Nguyễn Thị Thương, sinh năm 1983; nơi cư trú: Tổ 05, ấp 5, xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, Bình Phước (vắng mặt)
41. Ông Hoàng Văn Đức, sinh năm 1982; nơi cư: Khu phố 01, phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (vắng mặt)
42. Ông Cao Văn Thịnh, sinh năm 1982; nơi cư trú: Tổ 04, khu phố 4, phường Minh Hưng, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (vắng mặt)
43. Bà Trần Thị Ngân, sinh năm 1986; nơi cư trú: Khu phố 01, phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (có mặt)
44. Bà Lương Thị Như Trinh, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn Phước Hòa, xã Ea Yông, Huyện KrôngPắc, tỉnh ĐắkLắk (có đơn xin xét xử vắng mặt)
45. Ông Ngô Văn Tùng, sinh năm 1982; nơi cư trú: hẻm 1189, Khu phố 02, phường Tiên Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (có mặt)
46. Bà Hoàng Thị Hạnh, sinh năm 1985; nơi cư trú: Tổ 13, ấp 4, xã Trừ Thố, huyện Bàu Bàng, Bình Dương (có mặt)
47. Ông Đoàn Quang Nam, sinh năm 1977; nơi cư trú: Khu phố 03, phường Hưng Long, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (có mặt)
48. Bà Nguyễn Thị Đào, sinh năm 1979; nơi cư trú: Tổ 02, ấp 1, xã Minh Lập, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước(có mặt)
49. Bà Nguyễn Thị Hường, sinh năm 1983; nơi cư trú: Khu phố 03, phường Hưng Long, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (có mặt)
50. Ông Nguyễn Cao Cường, sinh năm 1984; nơi cư trú: Tổ 7, Khu phố Tân An, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước (có mặt)
51. Ông Lê Mỹ Dũng, sinh năm 1973; nơi cư trú: Tổ 6, khu phố 02, phường Hưng Long, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (có mặt)
52. Ông Nguyễn Văn Cảnh; sinh năm 1984; nơi cư trú: Tổ 3, Khu phố Trung Lợi, phường Hưng Long, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (có mặt)
53. Ông Phạm Hồng Nhật, sinh năm 1984; nơi cư trú: Tổ 07, khu phố Trung Lợi, phường Hưng Long, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (vắng mặt)
54. Ông Vũ Đăng Nam, sinh năm 1985; nơi cư trú: Tổ 13, Ấp 4, xã Trừ Văn Thố, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương (có mặt)
55. Bà Nguyễn Thị Hải, sinh năm 1979; nơi thường trú: Thôn Phước Trung, xã Phước Đồng, thành phố Nha Trang, Khánh Hòa; chỗ ở hiện nay: Khu phố 02, phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (có mặt)

56. Ông Bùi Văn Tuấn, sinh năm 1979; nơi cư trú: Tổ 01, khu phố 05, phường Minh Long, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (vắng mặt)

57. Bà Lê Thị Huyền Trang, sinh năm 1989; nơi cư trú: Khu phố 02, phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, Bình Phước (có đơn xin xét xử vắng mặt)

58. Ông Trần Đức Anh, sinh năm 1992; nơi cư trú: Tổ 8, khu phố Trung Lợi, phường Hưng Long, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (có mặt)

59. Ông Trần Đình Hiệp, sinh năm 1985; nơi cư trú: Tổ 10, khu phố Phú Thuận, phường Phú Thịnh, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước (vắng mặt)

60. Ông Đinh Văn Đạt, sinh năm 1982; nơi cư trú: Tổ 5, ấp 1, xã Minh Lập, thị xã Chơn Thành, Bình Phước (vắng mặt)

61. Bà Nguyễn Thị Thanh, sinh năm 1984; nơi cư trú: Tổ 6, khu phố 5, phường Hưng Long, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, (có mặt)

62. Ông Nguyễn Phước Thiện, sinh năm 1990; nơi cư trú: Khu phố Phú Lộc, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (có mặt)

- Người làm chứng

1. Ông Nguyễn Tiến Anh, sinh năm 1992; nơi cư trú: Tổ 9C, khu phố 02, phường Hưng Long, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (có mặt)

2. Bà Nguyễn Thị Lan, sinh năm 1987; nơi cư trú: Số 36/38, đường số 5, phường Linh Chiêu, tp Thủ Đức, tp Hồ Chí Minh 9 (vắng mặt)

3. Võ Văn Linh, sinh năm 1981; nơi cư trú: Thôn Phú Thịnh, xã Phú Riềng, Phú Riềng, Bình Phước (có đơn xin xét xử vắng mặt)

4. Ông Lê Quang Thắng, sinh năm 1988; nơi cư trú: Ấp Tân Bắc, xã Bình Minh, huyện Trảng Bom, Đồng Nai (vắng mặt)

5. Ông Nguyễn Văn Công, sinh năm 1984; nơi cư trú: 128/75, Hoàng Văn Thụ, phường 7, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt)

6. Ông Nguyễn Hữu Trung, sinh năm 1984; nơi cư trú: Tổ 03, khu phố 6, phường Minh Long, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (vắng mặt)

7. Bà Đỗ Thị Thu Hồng, sinh năm 1990; nơi cư trú: 404/5/17B, tổ 3, Phước Thành, phường Phước Long, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa (có đơn xin xét xử vắng mặt)

8. Ông Đào Văn Phú, sinh năm 1980; nơi cư trú: 337/2 đường TTH 21, phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

9. Ông Phạm Văn Hùng, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn Phương Quả Đông, xã Quỳnh Nguyên, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình (có đơn xin vắng mặt)

10. Triệu Bảo My, sinh năm 1981; nơi cư trú: 130C25, Phạm Văn Hai, phường 2, quận Tân Bình, tp Hồ Chí Minh (có đơn xin xét xử vắng mặt)
11. Bà Nguyễn Thị Luân, sinh năm 1980; nơi cư trú: E6/1, tổ 4, khu phố 4, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (có đơn xin xét xử vắng mặt)
12. Bà Trịnh Thị Ninh, sinh năm 1985; nơi cư trú: Khu phố Phú Cường, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (vắng mặt)
13. Bà Nguyễn Thị Mai Hương, sinh năm 1981; nơi cư trú: 562, tổ 4, khu phố 7, phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (có đơn xin xét xử vắng mặt)
14. Ông Lê Văn Em, sinh năm 1974; nơi cư trú: 405C3, khu phố 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (có đơn xin xét xử vắng mặt)
15. Bà Trần Thị Ly, sinh năm 1982; nơi cư trú: 33 Lê Đại Hành, Hoàng Văn Thụ, Hồng Bàng, Hải Phòng (có đơn xin xét xử vắng mặt)
16. Ông Nguyễn Thành Trung, sinh năm 1984; nơi cư trú: Ấp Giồng Ông Đông, xã Phú Đông, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai (có đơn xin xét xử vắng mặt)
17. Ông Nguyễn Viết Thành, sinh năm 1979; nơi cư trú: Thôn Chú Bó 1, xã Ia Kla, huyện Đức Cơ, Gia Lai (vắng mặt)
18. Ông Đặng Ngọc Quốc Khánh, sinh năm 1974; nơi cư trú: 27/19 Nguyễn Bình Khiêm, phường 1, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)
19. Ông Phạm Sơn Tùng, sinh năm 1989; nơi cư trú: 31/12A, đường số 3, phường Tăng Nhơn Phú B, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)
20. Ông Nguyễn Thanh Nhân, sinh năm 1991; nơi cư trú: Tổ Chợ, khu phố Tân An, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước (vắng mặt)
21. Bà Tạ Thị Hà, sinh năm 1985; nơi cư trú: 3/7 Hải Thượng Lãn Ông, phường 13, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)
22. Ông Bùi Văn Vương, sinh năm 1979; nơi cư trú: Võ Văn Tần, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (có đơn xin xét xử vắng mặt)
23. Ông Nguyễn Đình Cường, sinh năm 1984; nơi cư trú: TDP 3A, thị trấn Ea Kar, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt)
24. Bà Tường Thị Hoa, sinh năm 1982; nơi cư trú: Tổ 2, phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt)

25. Ông Trương Thuận Thảo, sinh năm 1979; nơi cư trú: Ấp Thuận Hải, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước (vắng mặt)
26. Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoài, sinh năm 1983; nơi cư trú: 43 đường D11, phường Phước Long B, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin xét xử vắng mặt)
27. Bà Huỳnh Thị Phi Yến, sinh năm 1985; nơi cư trú: Tổ 2, khu phố 5, phường Minh Long, thị xã Chơn Thành, Bình Phước (vắng mặt)
28. Bà Trần Thị Thùy Hương, sinh năm 1983; nơi cư trú: Khu Gia Đình – Trường Sĩ Quan Lục Quân 2 thuộc khu phố Long Đức 1, phường Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (có đơn xin xét xử vắng mặt)
29. Ông Tạ Xuân Kính, sinh năm 1983; nơi cư trú: Tổ 1, ấp Vườn Rau, xã Thanh Phú, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước (vắng mặt)
30. Ông Nguyễn Minh Tâm, sinh năm 1991; nơi cư trú: 1421/6 khu phố 2, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (có đơn xin xét xử vắng mặt)
31. Ông Phan Sắc Biển, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn Hà Chua, xã Sơn Tây, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh (có đơn xin xét xử vắng mặt)
32. Bà Lê Thị Kim Ngân, sinh năm 1993; nơi cư trú: Khu tập thể Trường THPT Nguyễn Huệ-số 01, Hàm Nghi, phường An Lộc, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước (có đơn xin xét xử vắng mặt)
33. Ông Phan Văn Tân, sinh năm 1988; nơi cư trú: Tổ 9A, khu phố 2, phường Hưng Long, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (vắng mặt)
34. Ông Dương Đăng Trọng, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn Tân Ly, xã Tân Thủy, huyện Lệ Thủy, Quảng Bình (vắng mặt)
35. Ông Trần Đình Mạnh, sinh năm 1963; nơi cư trú: Khu phố Thủ Chánh, phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (vắng mặt)
36. Bà Phan Thị Hồng, sinh năm 1982; nơi cư trú: Xóm Đông Thượng, xã Hậu Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An (có đơn xin xét xử vắng mặt)
37. Bà Nguyễn Thị Thư, sinh năm 1978; nơi cư trú: 48 Mạc Đĩnh Chi, tổ 13, phường 2, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng (có đơn xin xét xử vắng mặt)
38. Ông Lương Ngọc Dũng, sinh năm 1993; nơi cư trú: Tổ 3, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, Bình Phước (có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trường Cao đẳng nghề Bình Phước (gọi tắt là Trường) được thành lập theo Quyết định số 599/QĐLĐTBXH ngày 06/5/2015 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, trên cơ sở nâng cấp Trường Trung cấp nghề Tôn Đức Thắng; địa chỉ: Khu Công nghiệp Chơn Thành, xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành (nay là khu phố 2, phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành), tỉnh Bình Phước; là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh Bình Phước. Trường được UBND tỉnh giao quyền tự chủ về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức, biên chế, tài chính; được ngân sách Nhà nước đảm bảo toàn bộ kinh phí hoạt động; có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, có tài khoản dự toán mở tại Kho bạc nhà nước huyện Chơn Thành. Để thực hiện quyền tự chủ về tài chính, Trường xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ theo quy định tại Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ và Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09/8/2006 của Bộ Tài chính [BL 01-115-Tập 8]. Trong quá trình hoạt động của Trường có các cá nhân đã có những sai phạm như sau:

1. Kê không chi phí đào tạo học sinh và kinh phí cấp học bổng, sinh hoạt phí cho học sinh dân tộc nội trú để quyết toán

Trong thời gian từ năm 2015 đến năm 2019, các cá nhân của Trường Cao đẳng nghề Bình Phước đã có hành vi kê không học sinh để được cấp dự toán, rút, quyết toán kinh phí từ nguồn ngân sách Nhà nước, cụ thể:

Trường Cao đẳng nghề Bình Phước có nhiệm vụ: Đào tạo nghề theo 03 cấp độ, gồm: Cao đẳng nghề, trung cấp nghề và sơ cấp nghề; bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho người lao động; nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo; hợp tác, liên kết tổ chức đào tạo ...[BL08-Tập 8]. Trường thực hiện việc tuyển sinh theo hình thức xét tuyển, được quy định tại Quy chế tuyển sinh học nghề Ban hành kèm theo Quyết định số 08/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 26/03/2007 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Hàng năm, Trường thành lập Hội đồng tuyển sinh do Hiệu trưởng làm Chủ tịch Hội đồng, 01 Phó Hiệu trưởng làm Phó chủ tịch Hội đồng và Trưởng các khoa, phòng, ban chuyên môn làm thành viên [BL 802-814-Tập 8]. Khi học viên nộp hồ sơ dự tuyển, Bộ phận tuyển sinh thực hiện việc rà soát, tổng hợp những hồ sơ đủ điều kiện xét tuyển để trình Hội đồng tuyển sinh xem xét, quyết định. Sau khi có kết quả xét tuyển, Bộ phận tuyển sinh (hoặc Phòng Đào tạo) trình Hiệu trưởng ký Quyết định công nhận danh sách học viên trúng tuyển, đồng thời thông báo kết quả để thí sinh biết, làm thủ tục nhập học. Sau khi học viên đăng ký nhập học, Phòng Đào tạo tham mưu Hiệu trưởng ký Quyết định mở lớp.

Học sinh học nghề được hưởng chế độ chính sách theo quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ. Căn cứ theo quy định của Chính phủ và tình hình thực tế thu, chi ngân sách tại địa phương, UBND tỉnh Bình Phước quy định về định mức kinh phí đào tạo cho học viên hệ trung cấp và cao đẳng. Trong đó: từ năm 2015 đến 2016, Sở Tài chính tỉnh Bình Phước căn cứ theo quy định tại Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 21/12/2011

của UBND tỉnh Bình Phước về ban hành định mức phân bổ chi ngân sách địa phương thời kỳ ổn định ngân sách 2012-2015 để tính ra định mức kinh phí đào tạo là 7.000.000^d/sinh viên/năm (*định mức phân bổ trên đã bao gồm chi tiền lương, có tính chất lương theo quy định với mức lương tối thiểu 730.000^d/tháng*). Từ năm 2017 đến năm 2019, thực hiện quy định tại Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 27/12/2016 của UBND tỉnh thì định mức kinh phí đào tạo cho hệ trung cấp là 3.800.000^d/sinh viên/năm; hệ cao đẳng là 4.200.000^d/sinh viên/năm (*định mức phân bổ nêu trên không bao gồm chi lương và các khoản có tính chất lương, các khoản đóng góp theo lương, chế độ chính sách của học sinh, sinh viên*). Định mức này khi áp dụng đối với số học sinh khóa mới tuyển sinh trong năm là 04/10 tháng; học sinh các khóa trước chuyển sang là 10/10 tháng; học sinh học năm cuối khóa là 9/10 tháng, mỗi năm học sinh được nghỉ hè 02 tháng.

Riêng học sinh thuộc các nhóm đối tượng: Người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người khuyết tật; người tốt nghiệp trường phổ thông dân tộc nội trú; người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc là người khuyết tật có hộ khẩu thường trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo, thì được hưởng chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp theo quy định tại Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT/BTC/BGDĐT ngày 29/5/2009 của liên Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quyết định số 53/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ. Ngoài việc được miễn học phí thì học viên còn được cấp học bổng chính sách mỗi tháng bằng 80% mức lương cơ sở; được cấp sinh hoạt phí mỗi tháng bằng 50% mức lương cơ sở dùng để chi các khoản như: mua đồ dùng cá nhân, hỗ trợ chi phí học tập, lệ phí tuyển sinh, khám sức khỏe, bảo hiểm y tế, v.v...

Để được cấp kinh phí hoạt động, hàng năm, Trường phải xây dựng dự toán ngân sách đề nghị Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt. Căn cứ để Trường xây dựng dự toán gồm: Chỉ tiêu biên chế và hợp đồng 68; chỉ tiêu tuyển sinh do UBND tỉnh giao; số học viên các khóa học được đào tạo trong năm; định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương theo Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 21/12/2011 và Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 27/12/2016 của UBND tỉnh; các quy định về chế độ, chính sách đối với học viên học tập tại trường... Tháng 10 hàng năm, theo thông báo của Sở Tài chính về lịch làm việc để thảo luận dự toán ngân sách, Trường lập Dự toán thu, chi ngân sách gửi Sở Tài chính. Kèm theo dự toán, Trường phải chuẩn bị hồ sơ gồm: Bảng lương được phê duyệt tháng gần nhất; Quyết định giao chỉ tiêu biên chế và Hợp đồng 68 của UBND tỉnh; chỉ tiêu tuyển sinh; danh sách học viên trúng tuyển trong năm và đến Sở Tài chính để thảo luận, bảo vệ dự toán. Sở Tài chính thẩm định, tổng hợp chung với dự toán của các đơn vị, địa phương và báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua. Sau đó, UBND tỉnh ban hành quyết định giao dự toán thu, chi ngân sách để thực hiện [BL 01-03-Tập 4].

Về cơ cấu tổ chức của Trường từ năm 2015 đến 2019 gồm có: Ban Giám hiệu (01 Hiệu trưởng, 01 Phó Hiệu trưởng) và các Khoa đào tạo, các Phòng, bộ

phận chuyên môn. Trong đó, Đoàn Thế Nam được điều động, bổ nhiệm làm Hiệu trưởng từ tháng 07/2015 đến tháng 10/2019 (Quyết định số 934 ngày 19/5/2015 của UBND tỉnh Bình Phước) [BL 1057-1058-Tập 8]; Lê Thành Trung là Trưởng phòng Đào tạo và Công tác học sinh, sinh viên từ tháng 4/2016 đến tháng 10/2016 và đến ngày 24/10/2016 được bổ nhiệm làm Phó Hiệu trưởng; Nguyễn Trung Tín là Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính kiêm Kế toán trưởng (Quyết định số 200 ngày 16/8/2014 của Hiệu trưởng Trường trung cấp nghề Tôn Đức Thắng) [BL 1041, 1052-Tập 8]. Căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ được phân công thì Đoàn Thế Nam là Hiệu trưởng, người đại diện pháp luật của Trường, chịu trách nhiệm trực tiếp quản lý và điều hành các hoạt động của Trường theo quy định của pháp luật; là Chủ tài khoản của Trường, trực tiếp phụ trách công tác Tài chính – Kế toán, quản lý tài chính, tài sản của nhà trường. Lê Thành Trung là Phó Hiệu trưởng, được giao nhiệm vụ lãnh đạo, điều hành công tác đào tạo – tuyển sinh của các Khoa nghề; lãnh đạo, theo dõi kiểm tra việc thực hiện tiến độ đào tạo, nội dung, chương trình, giáo án; lãnh đạo công tác học sinh sinh viên, các chế độ, chính sách cho học sinh; ký duyệt sổ đăng bộ và các sổ sách có liên quan đến công tác đào tạo nghề... Nguyễn Trung Tín là Trưởng phòng Tài chính Kế toán kiêm Kế toán trưởng, có nhiệm vụ quản lý, điều hành mọi hoạt động của phòng theo đúng chức năng, nhiệm vụ được giao; tham mưu cho Ban Giám hiệu về vấn đề tài chính; lập dự toán ngân sách nhà nước và báo cáo tài chính; trình báo cáo Sở Tài chính dự toán thu, chi tài chính của trường hàng quý, năm; đề xuất dự toán chi thường xuyên hàng năm trên cơ sở nhiệm vụ cấp trên giao; thực hiện chi tài chính cho các khoản chi theo chế độ quy định, các khoản chi theo dự toán...[BL09-21; 23;25; 30; 109-115-Tập 8]

Sau khi Trường được nâng cấp lên bậc cao đẳng, số học viên của Trường Trung cấp nghề Tôn Đức Thắng được chuyển sang tiếp tục đào tạo. Từ năm 2015 đến năm 2019, Trường Cao đẳng nghề Bình Phước tuyển sinh và đào tạo 04 khóa học, gồm 28 lớp hệ trung cấp và 04 lớp hệ cao đẳng. Sau khi nhập học thì có rất nhiều học viên bỏ học trong suốt quá trình đào tạo các năm thứ nhất, thứ hai và năm cuối khóa. Tuy nhiên, khi xây dựng dự toán ngân sách cho năm tài chính tiếp theo thì Trường không báo cáo đúng số học viên thực học mà vẫn kê không cả số học viên đã nghỉ học, đồng thời kê không thêm số học sinh dân tộc nội trú hưởng chính sách học bổng và sinh hoạt phí hàng năm để được cấp dự toán nhiều hơn.

Quá trình thực hiện, Nguyễn Trung Tín đã lập Bảng kê các nguồn kinh phí cần sử dụng và cung cấp cho Sở Tài chính để bảo vệ dự toán, trong đó có thể hiện số học viên của từng khóa học nhưng không đúng với thực tế đào tạo; số học sinh dân tộc nội trú không đúng với số thực tế được hưởng chế độ; thời gian học của từng khóa trong năm, định mức chi phí đào tạo, chế độ học bổng và sinh hoạt phí. Căn cứ theo số liệu do Trường báo cáo, Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt cấp dự toán. Sau đó Trường làm thủ tục rút dự toán tại Kho bạc để chi sử dụng, cụ thể như sau:

- Việc xây dựng dự toán và quyết toán kinh phí năm 2015:

Căn cứ theo dự toán của Trường, Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh duyệt cấp dự toán năm 2015 (kể cả điều chỉnh, bổ sung) là **14.116.590.000^d**. Trong đó: theo đề nghị của Trường (bảng kê do Nguyễn Trung Tín – Kế toán trưởng lập), Sở Tài chính thẩm định duyệt cấp kinh phí đào tạo cho 1.084 học sinh hệ trung cấp (đã bao gồm 288 em hưởng học bổng học sinh dân tộc nội trú). Các khoản kinh phí đào tạo học sinh và chế độ học bổng, sinh hoạt phí học sinh dân tộc nội trú cụ thể như sau:

+ Kinh phí đào tạo (*định mức 7.000.000^d/học sinh/năm*) cấp cho 1.084 học sinh là: **6.773.000.000^d**. Trong đó: các khóa trước chuyển qua 890 học sinh; số tuyển sinh năm học 2015-2016 theo dự toán 194 học sinh. Sau khi hoàn thành việc tuyển sinh năm học 2015-2016, Trường ban hành các Quyết định số 89 ngày 01/9/2015 và số 124 ngày 22/9/2015, xác định tổng số trúng tuyển là 240 học sinh; số chênh lệch 46 học sinh tuyển sinh mới trong năm 2015 Trường không đề nghị cấp bổ sung kinh phí đào tạo.

+ Học bổng, sinh hoạt phí (*định mức 16.790.000^d/học sinh/năm*) cấp cho **288** học sinh dân tộc là: **4.442.000.000^d**. Trong đó: các khóa trước chuyển qua 249 học sinh; dự kiến tuyển sinh năm 2015 là 39 học sinh. Phần kinh phí học bổng (80% lương cơ sở) được phân khai (thuyết minh) chi tiết dự toán là 2.343.800.000^d; còn lại phần kinh phí sinh hoạt phí (50% lương cơ sở) là 2.098.200.000^d không được phân khai chi tiết trong dự toán.

Sau khi rút dự toán chi sử dụng, Trường Cao đẳng nghề Bình Phước tổng hợp hồ sơ, chứng từ, lập Báo cáo tài chính Ngân sách năm 2015 và đề nghị Sở Tài chính xét duyệt quyết toán. Hồ sơ, chứng từ, tài liệu do Trường cung cấp và số liệu thực chi đã được Kho bạc nhà nước xác nhận đối chiếu, Sở Tài chính đã tiến hành xét duyệt quyết toán. Kết quả xét duyệt xác định: Số tiền Trường đề nghị quyết toán bằng với số được giao dự toán (đã điều chỉnh, bổ sung) và thực chi được Kho bạc xác nhận là 14.116.590.000^d; Số tiền được Sở Tài chính xét duyệt là 14.116.590.000^d.

Qua điều tra xác định: Sau khi hoàn thành công tác tuyển sinh năm 2015, Đoàn Thể Nam ký Quyết định số 89 ngày 01/9/2015 công nhận 210 học sinh trúng tuyển hệ trung cấp nghề và mở 08 lớp trung cấp nghề; ký Quyết định số 124 ngày 22/9/2015 công nhận 30 học sinh trúng tuyển hệ cao đẳng. Năm 2015, Sở Tài chính không yêu cầu cung cấp Quyết định của UBND tỉnh phê duyệt số học sinh trúng tuyển để làm căn cứ cấp dự toán và xét duyệt quyết toán. Đến năm 2017, khi xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2015 thì Sở Tài chính căn cứ theo điểm c khoản 2 Điều 42 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 quy định: “*Dự toán chi thường xuyên được lập trên cơ sở nhiệm vụ được giao, nhiệm vụ được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt*”, nên yêu cầu phải có Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh. Do đó, Tín đã tham mưu cho Nam ký tờ trình số 269 ngày 24/10/2017, đề nghị phê duyệt danh sách gồm 250 học sinh, sinh viên trúng tuyển năm học 2015-2016 (danh sách này không đúng với số học sinh thực tế đang học mà lấy danh sách khóa 2014-2015 đưa vào danh sách khóa 2015-2016). Ngày 26/10/2017, UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quyết định số

2765/QĐ-UBND phê duyệt danh sách trúng tuyển Trường cao đẳng nghề Bình Phước gồm 250 học sinh [BL 116-133-Tập 8; BL 37-41; 98-172-Tập 4].

Cơ quan CSĐT đã tiến hành xác minh về số học viên thực học và số học viên dân tộc nội trú thực tế được cấp học bổng trong năm 2015. Trong đó, số học viên các khóa tuyển sinh trước năm 2015 không thuộc phạm vi bị tố giác nên không tiến hành xác minh. Đối với tuyển sinh mới năm 2015 được cấp dự toán kinh phí đào tạo cho 194 học sinh; qua xác minh thực tế tuyển sinh và đào tạo là 227 học sinh, nhiều hơn số cấp dự toán là 33 học sinh nên không có hành vi kê khống học viên. Đối với kinh phí học bổng và sinh hoạt phí cho học sinh dân tộc theo dự toán là **288** học sinh với tổng số tiền là **4.442.000.000^d**. Qua điều tra xác định: khi đề nghị cấp dự toán kinh phí, Nguyễn Trung Tín đã thống kê tất cả những học sinh là người dân tộc thiểu số đang học tại trường vào diện được hưởng học bổng. Tuy nhiên, theo quy định thì chỉ những học sinh thuộc các nhóm đối tượng: Người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người khuyết tật; người tốt nghiệp trường phổ thông dân tộc nội trú; người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc là người khuyết tật có hộ khẩu thường trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo thì mới được hưởng hưởng chính sách học bổng. Đến khi Trường chi chế độ học bổng thì chỉ có 33 học sinh thuộc diện đối tượng được hưởng. Tín phát hiện việc nhầm lẫn này nhưng không tham mưu đề nghị điều chỉnh (giảm) dự toán theo số học sinh dân tộc thực tế được hưởng chính sách học bổng mà vẫn tham mưu rút dự toán chi sử dụng và báo cáo đề nghị quyết toán. Như vậy trên thực tế chỉ phát sinh cấp học bổng và sinh hoạt phí cho 33 học sinh là 387.849.000^d. Số kinh phí đã cấp cho **255** học sinh không đúng đối tượng hưởng học bổng là **4.054.151.000^d**.

- Việc xây dựng dự toán và quyết toán kinh phí năm 2016:

Căn cứ theo dự toán của Trường, Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh duyệt cấp dự toán năm 2016 (kể cả điều chỉnh, bổ sung) là **13.157.310.000^d**. Trong đó, theo đề nghị của Trường (tại bảng kê do Tín lập ngày 12/10/2015), Sở Tài chính thẩm định, duyệt cấp kinh phí đào tạo cho 1.209 học sinh hệ trung cấp (đã bao gồm 160 em hưởng học bổng học sinh dân tộc nội trú). Các khoản kinh phí đào tạo học sinh và chế độ học bổng, sinh hoạt phí học sinh dân tộc nội trú cụ thể như sau:

+ Kinh phí đào tạo (*định mức 7.000.000^d/học sinh/năm*) cấp dự toán đầu năm cho 1.209 học sinh là 6.794.000.000^d. Trong đó: khóa 2013 là 284 học sinh, khóa 2014 là 283 học sinh, khóa 2015 là 292 học sinh; dự kiến tuyển sinh năm 2016 là 350 học sinh. Sau đó, Sở Tài chính điều chỉnh giảm kinh phí của 52 học sinh năm học 2015-2016 là 364.000.000^d (*Lý do: theo dự toán thì số tuyển sinh năm 2015 là 292 học sinh nhưng theo các Quyết định số 89 ngày 01/9/2015 và số 124 ngày 22/9/2015 của Trường thì tổng số trúng tuyển là 240 học sinh*). Đồng thời, Trường đề nghị bổ sung kinh phí đào tạo 04 tháng cho 240 học sinh tuyển sinh năm học 2016-2017, được Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt là 672.000.000^d (*Lý do: khi cấp dự toán ước tính số lượng tuyển sinh*

là 350 học sinh. nhưng sau đó Trường đề nghị UBND tỉnh phê duyệt số trúng tuyển là 590 học sinh, tăng 240 học sinh). Như vậy, sau khi điều chỉnh, bổ sung thì kinh phí đào tạo năm 2016 được cấp cho **1.397** học sinh là **7.102.000.000^d**.

+ Học bổng, sinh hoạt phí (định mức 13.690.000^d/học sinh/năm) cấp đầu năm cho 160 học sinh dân tộc là 1.732.000.000^d. Trong đó: khóa 2013 là 35 học sinh; khóa 2014 và 2015 là 75 học sinh; số dự kiến tuyển sinh năm 2016 là 50 học sinh. Phần học bổng (80% lương cơ sở) được phân khai chi tiết dự toán là 1.234.800.000^d; còn lại sinh hoạt phí (50% lương cơ sở) là 498.000.000^d không được phân khai chi tiết dự toán. Ngày 27/5/2016, Tín tham mưu cho Nam ký tờ trình số 197, đề nghị bổ sung chế độ học bổng theo Quyết định số 53/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ cho 250 học sinh với số tiền 2.767.500.000^d. Sở Tài chính thẩm định, tham mưu UBND tỉnh phê duyệt cấp bổ sung học bổng cho 64 học sinh là 704.184.000^d (gồm 22 học sinh hưởng mức 100%/năm, 42 học sinh hưởng mức 60%/năm). Đồng thời, Sở Tài chính điều chỉnh giảm kinh phí học bổng 15 học sinh dân tộc là 205.295.000^d (Lý do: số tuyển sinh năm học 2015-2016 theo dự toán là 42 học sinh dân tộc nhưng theo Quyết định số 89 ngày 01/9/2015 và Quyết định số 124 ngày 22/9/2015 thì tổng số học sinh dân tộc trúng tuyển được hưởng chế độ là 27 học sinh, giảm 15 học sinh). Như vậy, sau khi điều chỉnh, bổ sung thì kinh phí chi học bổng và sinh hoạt phí được cấp cho **209** học sinh dân tộc nội trú là **2.231.184.000^d**.

Sau khi rút dự toán chi sử dụng, Trường tổng hợp hồ sơ, chứng từ, lập Báo cáo tài chính năm 2016 đề nghị Sở Tài chính xét duyệt quyết toán. Hồ sơ, chứng từ, tài liệu do Trường cung cấp và số liệu thực chi đã được Kho bạc nhà nước xác nhận đối chiếu, Sở Tài chính đã tiến hành xét duyệt quyết toán. Kết quả xét duyệt: Số tiền Trường đề nghị quyết toán bằng với số được giao dự toán và thực chi được Kho bạc xác nhận là 13.157.310.000^d; Số tiền được Sở Tài chính xét duyệt là: 13.157.310.000^d.

Qua điều tra xác định: Số học viên thực học phát sinh đầu năm là 794 học sinh. Trong đó khóa năm 2013 là 284 học sinh trung cấp; khóa năm 2014 là 283 học sinh trung cấp; khóa năm 2015 là 207 học sinh trung cấp và 20 học sinh cao đẳng. Trong năm, sau khi hoàn thành công tác tuyển sinh, Đoàn Thể Nam ký Quyết định số 313 ngày 12/9/2016 công nhận trúng tuyển cho 329 học sinh, gồm: 292 học sinh trung cấp và 37 học sinh cao đẳng. Trước đó, khi thẩm định cấp dự toán ngân sách, Sở Tài chính duyệt cấp kinh phí đào tạo cho 350 học sinh đã nhiều hơn so với số tuyển sinh được là 21 học sinh. Năm 2016, Trường không thực hiện tuyển sinh bổ sung, không họp Hội đồng tuyển sinh để xét tuyển đợt 2. Theo lời khai Tín xác định: để được cấp thêm nguồn kinh phí hoạt động, Nam đã chỉ đạo Tín kê không thêm số học sinh trúng tuyển. Tín đã lập danh sách học sinh trúng tuyển năm học 2016-2017 là 590 học sinh (gồm 440 học sinh trung cấp và 150 học sinh cao đẳng). Do Nam đang đi công tác không có ở Trường nên Tín báo cáo xin ý kiến thì Nam chỉ đạo Tín trình cho Lê Thành Trung - Phó hiệu trưởng ký Quyết định công nhận trúng tuyển. Bản thân Trung cũng là Ủy viên Hội đồng tuyển sinh nên biết rõ việc Hội đồng không tổ chức thực hiện tuyển sinh bổ sung, không họp Hội đồng để xét duyệt tuyển sinh đợt 2,

do đó, không có căn cứ để ban hành Quyết định công nhận trúng tuyển cho học viên khác với kết quả tuyển sinh đã được công nhận tại Quyết định số 313 do Đoàn Thể Nam ký ngày 12/9/2016. Khi Tín trình hồ sơ, Trung hỏi lại mục đích ký ban hành để làm gì thì Tín cho biết là để làm việc với Sở Tài chính đề nghị cấp bổ sung dự toán ngân sách. Trung gọi điện thoại xin ý kiến và được Nam đồng ý nên Trung đã ký ban hành Quyết định số 367a ngày 31/10/2016, về việc công nhận trúng tuyển đối với 590 học sinh. Sau đó, Tín tham mưu cho Đoàn Thể Nam ký Tờ trình số 368 ngày 03/11/2016 đề nghị bổ sung kinh phí đào tạo 04 tháng cho 240 học sinh tuyển sinh năm học 2016-2017, được Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt là 672.000.000^d. Mặc dù Nam không thừa nhận việc chỉ đạo Tín kê khống thêm học viên để đề nghị cấp bổ sung kinh phí, nhưng căn cứ vào tài liệu chứng cứ thu thập được đủ cơ sở xác định: Nam là Hiệu trưởng, là người trực tiếp ký các Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh và Quyết định thành lập Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh hàng năm, đồng thời cũng là Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh; ký các biên bản xét tuyển của hội đồng này và trong các biên bản ghi rõ kết quả trúng tuyển bao nhiêu học sinh; biên bản xét tốt nghiệp các và các quyết định công nhận tốt nghiệp do trường đào tạo, danh sách tốt nghiệp, báo cáo tình hình thực hiện gửi báo cáo tổng kết năm học.... [BL 802-814; 1010-1029-Tập 8]. Do đó, Nam nắm rất rõ số lượng học viên từng năm bắt đầu từ khi thành lập hội đồng xét tuyển đến khi hoàn thành công tác đào tạo và báo cáo tổng kết từng năm học; việc phân bổ mở các lớp học cũng phải dựa trên số lượng học viên thực học; hiểu rõ từng tờ trình, nội dung trình, quyết toán hàng năm của trường với Sở tài chính và là người ký các thủ tục chi, quyết toán. Biết rõ sau khi đã hoàn thành việc tuyển sinh năm học 2016-2017, Hội đồng tuyển sinh không thực hiện việc tuyển sinh bổ sung và cũng không họp Hội đồng xét tuyển bổ sung nên việc xác định tăng thêm học viên trúng tuyển là không có cơ sở. Mặc dù biết rõ không tăng thêm học sinh trúng tuyển nhưng Nam vẫn ký tờ trình số 368 ngày 03/11/2016 đề nghị bổ sung kinh phí đào tạo cho 240 học sinh. Như vậy, có đủ căn cứ để xác định Nam biết rõ việc kê khống thêm học viên để đề nghị cấp bổ sung kinh phí đào tạo năm 2016. Đến ngày 08/12/2016, Tín tiếp tục tham mưu Nam ký Tờ trình số 402, đề nghị phê duyệt danh sách học sinh trúng tuyển năm học 2016-2017. Ngày 16/12/2016, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 3219 phê duyệt 590 học sinh trúng tuyển, sau đó Trường sử dụng để làm căn cứ đề nghị Sở Tài chính xét duyệt quyết toán ngân sách [BL 42-51; 258-266; 472-524-Tập 4]. Tuy nhiên, qua điều tra thì năm 2016 Trường tuyển sinh và đào tạo khóa mới được 296 học sinh (265 em trung cấp, 31 em hệ cao đẳng).

Kết quả điều tra đã xác định số học viên thực tế đào tạo trong năm 2016 là 1.090 học sinh; theo định mức được cấp thì kinh phí thực tế phát sinh là 6.188.000.000^d. So với dự toán cấp cho 1.397 học sinh là 7.102.000.000^d, Trường đã kê khống số lượng 307 học sinh với số tiền kinh phí đào tạo là 914.000.000^d. Khi cấp dự toán ngân sách, Sở Tài chính đã giảm trừ 10% tiết kiệm ngân sách với số tiền 91.400.000 nên thực tế số tiền kê khống kinh phí đào tạo năm 2016 là **822.600.000^d**. Nguồn kinh phí chi học bổng, sinh hoạt phí cho

học sinh dân tộc thực tế chỉ cấp cho 63 học sinh với số tiền 522.958.000^d (khóa 2013 là 02 học sinh, khóa 2014 là 05 học sinh, khóa 2015 là 15 học sinh, khóa 2016 tuyển sinh được 41 học sinh dân tộc). So với số cấp dự toán là 209 học sinh với số tiền là 2.231.184.000^d thì Trường đã kê không 146 học sinh dân tộc nội trú với số tiền là **1.708.226.000^d**. Tổng cộng số kinh phí đào tạo và học bổng học sinh dân tộc bị kê không là **2.530.826.000^d**.

- Việc xây dựng dự toán và quyết toán kinh phí năm 2017:

Căn cứ theo dự toán của Trường, Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh duyệt cấp dự toán năm 2017 (kể cả điều chỉnh, bổ sung) là **12.848.803.000^d**. Theo số liệu do Tín lập ngày 04/11/2016, thì Trường đề nghị cấp kinh phí đào tạo cho tổng cộng 1.957 học sinh hệ trung cấp, cao đẳng (đã bao gồm 187 học sinh dân tộc). Tuy nhiên, trong hồ sơ đề nghị chưa có Quyết định của UBND tỉnh phê duyệt danh sách học sinh trúng tuyển năm học 2015 – 2016 (các năm trước đó Sở Tài chính không yêu cầu). Do đó, Sở Tài chính tạm tính số học sinh bằng cách loại trừ khóa 2013 ra trường là 284 học sinh và cộng số học sinh (các khóa 2014, 2015, 2016) theo dự toán năm 2016 là 925 học sinh với số dự kiến tuyển sinh năm 2017 là 350 học sinh. Tổng số cấp dự toán đào tạo năm 2017 là 1.275 học sinh, trong đó có 160 em hưởng học bổng học sinh dân tộc nội trú. Các khoản kinh phí đào tạo học sinh và chế độ học bổng, sinh hoạt phí học sinh dân tộc nội trú cụ thể như sau:

+ Kinh phí đào tạo cấp cho **1.275** học sinh (*định mức hệ trung cấp 3.800.000^d/học sinh/năm*) là **3.970.000.000^d**. Trong đó, khóa 2014 là 283 học sinh; khóa 2015 là 292 học sinh, khóa 2016 là 350 học sinh (theo Quyết định số 3219 ngày 16/12/2016 của UBND tỉnh phê duyệt trúng tuyển là 590 học sinh nhưng Trường không đề nghị cấp bổ sung kinh phí năm 2017 cho 240 học sinh); dự kiến tuyển sinh năm 2017 là 350 học sinh.

+ Học bổng, sinh hoạt phí (*định mức 1.369.000^d/học sinh/năm*) cấp cho **160** học sinh dân tộc là **1.732.000.000^d**. Trong đó: khóa 2014 là 35 học sinh; khóa 2015 và 2016 là 75 học sinh; dự kiến tuyển sinh năm 2017 là 50 học sinh. Phần học bổng được phân khai chi tiết dự toán là 820.800.000^d; còn lại 911.200.000^d không được phân khai chi tiết dự toán.

Sau khi rút dự toán chi sử dụng, Trường tổng hợp hồ sơ, chứng từ, lập Báo cáo tài chính đề nghị Sở Tài chính xét duyệt quyết toán. Hồ sơ, chứng từ, tài liệu do Trường cung cấp và số liệu thực chi đã được Kho bạc nhà nước xác nhận đối chiếu xét duyệt quyết toán. Tuy nhiên, Sở Tài chính không thực hiện việc xét duyệt quyết toán mà tổ chức thanh tra công tác quản lý tài chính tại Trường năm 2017. Sau đó, Sở Tài chính sử dụng kết quả thanh tra thay cho việc xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2017. Số tiền được Sở Tài chính chấp nhận cho quyết toán là 12.786.292.000^d.

Qua điều tra xác định: số học viên thực học phát sinh đầu năm là 713 học sinh. Trong đó, khóa năm 2014 là 283 học sinh trung cấp; khóa năm 2015 còn lại 117 học sinh trung cấp và 17 học sinh cao đẳng; khóa năm 2016 là 265 học sinh trung cấp và 31 học sinh cao đẳng. Trong năm, sau khi hoàn thành công tác

tuyển sinh, Đoàn Thể Nam ký ban hành Quyết định số 212a/QĐ-CDN ngày 29/8/2017, về việc công nhận trúng tuyển cho 251 học sinh gồm: 204 học sinh trung cấp và 47 học sinh cao đẳng. So với dự toán ngân sách năm 2017 cấp kinh phí đào tạo cho tuyển sinh mới là 350 học sinh thì Trường tuyển sinh thiếu chỉ tiêu 99 học sinh. Trường tiếp tục phối hợp với Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh Bình Phước thí điểm mở 02 lớp trung cấp nghề với tổng số gần 100 học sinh. Ngày 24/10/2017, Đoàn Thể Nam ký tờ trình số 268 đề nghị phê duyệt danh sách học sinh trúng tuyển năm học 2017-2018 là 350 học sinh. Đến ngày 26/10/2017, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2766 công nhận 350 học sinh trúng tuyển Trường cao đẳng nghề Bình Phước [BL 52-59; 526-563-Tập 4]. Qua xác minh thực tế năm 2017, Trường chỉ tuyển sinh và đào tạo khóa mới được 226 học sinh (gồm 217 học sinh trung cấp và 09 học sinh cao đẳng, trong đó có liên kết với Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh Bình Phước mở được 02 lớp trung cấp nghề với 50 học sinh).

Như vậy, số học viên thực tế đào tạo năm 2017 là 939 học sinh (gồm 882 học sinh trung cấp và 57 học sinh cao đẳng), theo định mức được cấp thì kinh phí thực tế phát sinh là 3.073.560.000^d. So với số dự toán cấp cho 1.275 học sinh là 3.970.000.000^d thì Trường đã kê không số lượng 336 học sinh với số tiền kinh phí đào tạo là 896.440.000^d. Khi cấp dự toán, Sở Tài chính đã giảm trừ 10% tiết kiệm ngân sách là 89.644.000^d nên số tiền thực tế kê không nhận được là **806.796.000^d**. Nguồn kinh phí cấp học bổng, sinh hoạt phí thực tế cấp cho 72 học sinh dân tộc với số tiền 807.710.000^d (khóa 2014 còn lại 04 học sinh, khóa 2015 là 06 học sinh, khóa 2016 là 41 học sinh và khóa 2017 tuyển sinh mới 21 học sinh). So với số cấp dự toán là 160 học sinh với số tiền là 1.732.000.000^d thì Trường đã kê không 88 học sinh dân tộc nội trú với số tiền **924.290.000^d**. Tổng cộng số kinh phí đào tạo và học bổng học sinh dân tộc bị kê không là **1.731.086.000^d**.

- Việc xây dựng dự toán và quyết toán kinh phí năm 2018:

Căn cứ theo dự toán của Trường, Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh duyệt cấp dự toán năm 2018 (kể cả điều chỉnh, bổ sung) là **13.001.630.000^d**. Theo số liệu do Tín lập tại bảng kê ngày 23/10/2017 thì Trường báo cáo đề nghị cấp kinh phí đào tạo cho tổng cộng 2.084 học sinh hệ trung cấp, cao đẳng; Số học sinh dân tộc nội trú đề nghị cấp học bổng và sinh hoạt phí là 194 học sinh. Tuy nhiên, Sở Tài chính thẩm định, xét cấp kinh phí đào tạo cho 1.540 học sinh; số học sinh dân tộc nội trú được cấp học bổng chính sách là 134 học sinh. Các khoản kinh phí đào tạo học sinh, chế độ học bổng, sinh hoạt phí học sinh dân tộc nội trú cụ thể như sau:

+ Kinh phí đào tạo (*định mức hệ trung cấp là 3.800.000^d/học sinh/năm; hệ cao đẳng là 4.200.000^d/học sinh/năm*) cấp cho **1.540** học sinh hệ trung cấp, cao đẳng là: **5.047.000.000^d**. Trong đó, khóa 2015 là 250 học sinh trung cấp; khóa 2016 là 440 học sinh trung cấp và 150 học sinh cao đẳng; khóa 2017 là 300 học sinh trung cấp và 50 học sinh cao đẳng; dự kiến tuyển sinh năm 2018 là 300 học sinh trung cấp và 50 học sinh cao đẳng).

+ Học bổng, sinh hoạt phí (*định mức 15.000.000^d/học sinh/năm*) cấp cho **134** học sinh dân tộc được phân khai chi tiết trong dự toán là 1.944.000.000^d. Trong đó: khóa 2015 là 44 học sinh; khóa 2016 là 60 học sinh; khóa 2017 là 30 học sinh; không cấp kinh phí cho số dự kiến tuyển sinh mới năm 2018. Trong năm, Sở Tài chính điều chỉnh giảm học bổng 900.000.000^d (tương đương với 60 học sinh). Như vậy, sau điều chỉnh thì số kinh phí cấp học bổng và sinh hoạt phí cho 74 học sinh dân tộc là **1.044.000.000^d**.

Sau khi rút dự toán chi sử dụng, Trường tổng hợp hồ sơ, chứng từ, lập Báo cáo tài chính năm 2018 và đề nghị Sở Tài chính xét duyệt quyết toán. Qua kiểm tra hồ sơ, chứng từ, tài liệu do Trường cung cấp và số liệu thực chi đã được Kho bạc nhà nước xác nhận đối chiếu, Sở Tài chính đã tiến hành xét duyệt quyết toán. Tuy nhiên, có một số khoản chi Sở Tài chính đề nghị xuất toán nhưng Trường không thống nhất, đại diện nhà trường chưa ký Biên bản xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2018.

Về số liệu quyết toán cụ thể như sau: Số tiền Trường đề nghị quyết toán trùng với số được giao dự toán và thực chi được Kho bạc xác nhận là 12.784.820.990^d; số tiền được Sở Tài chính xét duyệt là 10.171.707.466^d; số tiền đã hủy tại Kho bạc (không chi) là 16.809.010^d; số dư kinh phí tại Kho bạc được chuyển sang năm sau là 200.000.000^d; số tiền Sở Tài chính đề nghị xuất toán là 2.613.113.524^d (gồm các khoản: sử dụng số dư kinh phí từ nguồn học bổng học sinh và nâng bậc lương để chi cho hoạt động không đúng quy định (chi sai nguồn) là 80.731.192^d; chi sai Phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo là 171.443.160^d; chênh lệch kinh phí sự nghiệp đào tạo giữa số học sinh thực học so với số học sinh được cấp dự toán là 2.360.939.172^d).

Qua điều tra xác định: số học viên thực học phát sinh đầu năm là 502 học sinh. Trong đó, khóa năm 2015 còn lại 91 học sinh trung cấp và 16 học sinh cao đẳng; khóa năm 2016 còn lại 148 học sinh trung cấp và 21 học sinh cao đẳng; khóa năm 2017 còn lại 217 học sinh trung cấp và 09 học sinh cao đẳng. Trong năm, sau khi hoàn thành công tác tuyển sinh, Đoàn Thể Nam ký Quyết định số 169 ngày 24/8/2018 công nhận 237 học sinh trúng tuyển (trong đó: 222 học sinh trung cấp và 15 học sinh cao đẳng), so với dự toán năm 2018 đã cấp cho 350 học sinh thì số trúng tuyển thấp hơn 113 học sinh. Sau đó, Nguyễn Trung Tín tham mưu cho Đoàn Thể Nam ký tờ trình số 197 ngày 14/9/2018, đề nghị phê duyệt danh sách 237 học sinh trúng tuyển năm học 2018-2019. Ngày 24/9/2018, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2233, về việc phê duyệt danh sách 237 học sinh trúng tuyển Trường cao đẳng nghề Bình Phước [BL 60-65-Tập 4]. Qua xác minh thực tế năm 2018, Trường tuyển sinh và đào tạo được 218 học viên, trong đó có 202 học sinh trung cấp và 16 học sinh cao đẳng.

Như vậy, số học viên thực tế đào tạo năm 2018 là 720 học sinh (gồm 658 học sinh trung cấp và 62 học sinh cao đẳng), theo định mức được cấp thì kinh phí thực tế phát sinh là 2.218.620.000^d. So với dự toán cấp cho 1.540 học sinh là 5.047.000.000^d thì Trường đã kê khống số lượng 820 học sinh với số tiền 2.828.380.000^d. Khi cấp dự toán, Sở Tài chính giảm trừ 10% tiết kiệm ngân sách

là 282.838.000^d, như vậy số tiền thực tế kê không là **2.545.542.000^d**. Đối với nguồn kinh phí cấp học bổng, sinh hoạt phí thực tế chỉ cấp cho 58 học sinh dân tộc với số tiền 756.000.000^d (Trong đó: khóa 2015 còn lại 04 học sinh, khóa 2016 còn lại 21 học sinh, khóa 2017 là 21 học sinh và khóa 2018 tuyển sinh mới 12 học sinh). So với số cấp dự toán là 74 học sinh với số tiền là 1.044.000.000^d thì Trường đã kê không 16 học sinh dân tộc nội trú với số tiền là **288.000.000^d**. Tổng cộng số kinh phí đào tạo và học bổng học sinh dân tộc bị kê không là **2.833.542.000^d**.

- Việc xây dựng dự toán và quyết toán kinh phí năm 2019:

Căn cứ theo dự toán của Trường cao đẳng nghề Bình Phước, Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh duyệt cấp dự toán ngân sách năm 2019 cho Trường (kể cả điều chỉnh, bổ sung) là **12.458.972.000^d**. Trong đó, theo đề nghị của Trường, Sở Tài chính thẩm định, tham mưu UBND tỉnh cấp kinh phí đào tạo cho 1.477 học sinh hệ trung cấp, cao đẳng (bao gồm 65 học sinh dân tộc nội trú). Các khoản kinh phí đào tạo học sinh và chế độ học bổng, sinh hoạt phí học sinh dân tộc nội trú cụ thể như sau:

+ Kinh phí đào tạo (*định mức hệ trung cấp là 3.800.000^d/học sinh/năm; hệ cao đẳng là 4.200.000^d/học sinh/năm*) cấp cho **1.477** học sinh hệ trung cấp, cao đẳng là: **4.780.000.000^d**. Trong đó, khóa 2016 là 440 học sinh trung cấp và 150 học sinh cao đẳng; khóa 2017 là 300 học sinh trung cấp và 50 học sinh cao đẳng; khóa 2018 là 222 học sinh trung cấp và 15 học sinh cao đẳng; số dự kiến tuyển sinh năm 2019 là 300 học sinh trung cấp.

+ Học bổng, sinh hoạt phí (*định mức 15.000.000^d/học sinh/năm*) cấp cho **65** học sinh dân tộc được phân khai chi tiết trong dự toán là **945.000.000^d**. Trong đó: khóa 2016 là 20 học sinh; khóa 2017 và 2018 là 45 học sinh; không cấp dự toán cho số học sinh dân tộc dự kiến tuyển sinh năm 2019.

Sau khi rút dự toán chi sử dụng, Trường tổng hợp hồ sơ, chứng từ, lập Báo cáo tài chính năm 2019 và đề nghị Sở Tài chính xét duyệt quyết toán. Qua kiểm tra hồ sơ, chứng từ, tài liệu do Trường cung cấp và số liệu thực chi đã được Kho bạc nhà nước xác nhận đối chiếu, Sở Tài chính đã tiến hành xét duyệt quyết toán. Tuy nhiên, có một số khoản chi Sở Tài chính đề nghị xuất toán nhưng Trường không thống nhất, đại diện nhà trường chưa ký Biên bản xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2019.

Về số liệu quyết toán cụ thể như sau: Số dư kinh phí tại Kho bạc năm 2018 chuyển sang: 200.000.000^d; số tiền được giao dự toán (đã điều chỉnh, bổ sung): 12.458.972.000^d; số đã hủy tại Kho bạc (không chi): 700.000.000^d; số tiền Trường đề nghị quyết toán trùng với số thực chi được Kho bạc xác nhận: 10.862.806.369^d; số dư kinh phí tại Kho bạc được chuyển sang năm sau: 1.096.165.631^d; số tiền được Sở Tài chính xét duyệt: 8.790.979.861^d; số tiền Sở Tài chính đề nghị xuất toán: 2.071.826.508^d (gồm các khoản: sử dụng số dư kinh phí từ nguồn học bổng học sinh và nâng bậc lương, tiền lương dư do tính giảm biên chế để chi cho hoạt động không đúng quy định (chi sai nguồn):

208.975.300^d; chênh lệch kinh phí sự nghiệp đào tạo giữa số học sinh thực học so với số học sinh được cấp dự toán là 1.862.851.208^d).

Qua điều tra xác định: Số học viên thực học phát sinh đầu năm là 501 học sinh. Trong đó, khóa năm 2016 còn lại 117 học sinh trung cấp và 18 học sinh cao đẳng; khóa năm 2017 còn lại 143 học sinh trung cấp và 5 học sinh cao đẳng; khóa năm 2018 là 202 học sinh trung cấp và 16 học sinh cao đẳng. Trong năm, sau khi hoàn thành công tác tuyển sinh, Đoàn Thể Nam ký Tờ trình số 277 ngày 23/9/2019, đề nghị phê duyệt danh sách 301 học sinh trúng tuyển năm học 2018-2019 (gồm 283 học sinh trung cấp, 18 học sinh cao đẳng). Ngày 21/10/2019, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2188 phê duyệt 301 học sinh trúng tuyển [BL 610-661-Tập 4]. Số học sinh tuyển sinh mới trong năm 2019 không thuộc phạm vi bị tố giác, đồng thời được UBND tỉnh phê duyệt trúng tuyển sau thời điểm Cơ quan CSĐT tiến hành xác minh về các dấu hiệu sai phạm tại Trường nên không tiến hành xác minh thực tế mà công nhận theo kết quả tuyển sinh.

Như vậy, số học viên thực tế đào tạo của Trường là 802 học sinh (gồm 745 học sinh trung cấp và 57 học sinh cao đẳng), phát sinh kinh phí là 2.327.780.000^d. So với dự toán cấp cho 1.477 học sinh là 4.780.000.000^d thì Trường đã kê không số lượng 675 học sinh với số tiền 2.452.220.000^d. Khi cấp dự toán, Sở Tài chính giảm trừ 10% tiết kiệm ngân sách là 245.222.000^d, như vậy số tiền thực tế kê không là **2.214.558.000^d**. Đối với nguồn kinh phí học bổng, sinh hoạt phí thực tế đã cấp cho 80 học sinh dân tộc với số tiền là 910.500.000^d (gồm khóa 2016 là 19 học sinh, khóa 2017 là 20 học sinh, khóa 2018 là 12 học sinh và khóa 2019 là 29 học sinh), so với số cấp dự toán cho 65 học sinh (các khóa 2016, 2016, 2018) là 945.000.000^d thì Trường đã kê không 14 học sinh các khóa cũ chuyển qua, số tiền này được sử dụng chi bù cho số tuyển sinh năm 2019 không cấp dự toán 29 học sinh, còn lại số tiền kê không là **34.500.000^d**. Tổng cộng số kinh phí đào tạo và học bổng học sinh dân tộc bị kê không là **2.249.058.000^d**.

Căn cứ kết quả điều tra xác định: Trong niên độ từ năm 2015 đến 2019, Trường Cao đẳng nghề Bình Phước được cấp dự toán kinh phí đào tạo là 27.672.000.000^d; kinh phí cấp học bổng và sinh hoạt phí cho học sinh dân tộc nội trú là 10.394.184.000^d. Tổng số tiền kinh phí đào tạo và chi học bổng được ngân sách cấp là 38.066.184.000^d. Trong đó, số tiền kê không kinh phí đào tạo cho học sinh là 6.389.496.000^d; số tiền kê sai, kê không cấp học bổng, sinh hoạt phí cho học sinh dân tộc nội trú là 7.009.167.000^d. Tổng số tiền kê không kinh phí đào tạo và chi học bổng học sinh dân tộc nội trú là 13.398.663.000^d, trong đó Trường chưa làm thủ tục rút dự toán chi sử dụng và còn dư tại kho bạc là 758.165.631^d, số tiền Trường đã làm thủ tục rút dự toán chi sử dụng là **12.640.497.369^d**.

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT tiến hành đối chiếu hồ sơ chứng từ quyết toán chi lương, phụ cấp, chi tiền lễ, tết, thu nhập tăng thêm của cán bộ, giáo viên so với số tiền thực nhận được trả qua tài khoản ngân hàng thì phát hiện có sự chênh lệch (số tiền quyết toán cao hơn số thực nhận). Từ tháng 12/2014

đến tháng 12/2019, Trường đã nhiều lần rút séc tiền mặt từ tài khoản ngân hàng của Trường mở tại phòng giao dịch Chợ Thành - Ngân hàng Công thương Việt Nam đối với số tiền chênh lệch này, tổng cộng là **4.341.990.509^d**.

Đối với số tiền chênh lệch này, qua điều tra xác định: Trong quá trình công tác, có một số cán bộ, giáo viên vay tiền Ngân hàng Đông Á phải trả gốc và lãi hàng tháng; một số người ứng lương, mượn tiền của cá nhân Tín; hoặc phát sinh các khoản phải thu như đóng quỹ phòng chống thiên tai, ủng hộ bão lụt, v.v... Sau khi quyết toán tiền lương, phụ cấp, chi thu nhập tăng thêm thì Tín tự tổng hợp trên máy tính, tiến hành trừ các khoản phải chi nói trên rồi mới chuyển số thực nhận qua tài khoản cho cán bộ, giáo viên và in bảng lương thực nhận dán trên bảng thông tin của Trường để cán bộ, giáo viên đối chiếu, theo dõi. Số tiền chênh lệch do phải trừ các khoản được Tín rút séc tiền mặt để thay giáo viên chi trả. Ngoài ra, Nguyễn Trung Tín còn kê không hệ số lương, phụ cấp và kê không chi thu nhập tăng thêm của một số cán bộ, giáo viên để quyết toán. Theo các bị can Đoàn Thế Nam, Nguyễn Trung Tín khai nhận: Trong quá trình hoạt động của Trường có phát sinh các khoản chi phí tiếp khách, ngoại giao, chi tiền quà biếu trong các dịp lễ, tết cho các sở, ban ngành và một số chi phí cho hoạt động chung của Trường. Các khoản chi phí này không có trong dự toán ngân sách, hoặc kinh phí cấp không đủ để chi nên Tín sử dụng từ nguồn kê không học viên và học sinh dân tộc nội trú để chi bù đắp. Để hợp thức chứng từ chi cho các nội dung trên, Tín đã tự kê khai tăng hệ số lương, phụ cấp, kê khai tăng số tiền chi thu nhập tăng thêm cho một số cán bộ, giáo viên trình Đoàn Thế Nam ký duyệt để quyết toán. Sau đó, khi làm thủ tục thanh toán thì Tín tổng hợp đúng với số lương, phụ cấp, thu nhập tăng thêm thực chi cho cán bộ, giáo viên. Phần chênh lệch do kê không thêm được Tín tổng hợp lại, đến khi cần tiền chi cho hoạt động của trường thì Tín lập chứng từ chi Séc đưa thêm số kê không vào trình Đoàn Thế Nam ký duyệt để rút tiền mặt ra chi sử dụng.

Qua trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Phước giám định, kết quả chỉ khôi phục, khai thác được dữ liệu trong ổ cứng (CPU) máy tính do Tín sử dụng, trong đó có một số tập tin (File) có dữ liệu theo dõi việc chi lương, phụ cấp, chi thu nhập tăng thêm, tiền lễ tết, chi quà biếu của các năm 2015, 2016, 2017; không tìm thấy dữ liệu các năm 2018, 2019. Ngoài ra không khôi phục, khai thác được dữ liệu trong máy tính xách tay (Laptop) do Tín sử dụng. Qua đối chiếu tài liệu khai thác trong CPU máy tính của Tín với hồ sơ, chứng từ, tài liệu rút dự toán tại Kho bạc nhà nước và chứng từ chuyển tiền thanh toán cho cán bộ, giáo viên qua tài khoản ngân hàng trong thời gian năm 2015 (không có tài liệu chi trả tháng 11), năm 2016 (không có tài liệu chi trả tháng 11) và năm 2017 (từ tháng 01 đến tháng 7) đã xác định số tiền kê không chi lương, phụ cấp, thu nhập tăng thêm cho một số cán bộ, giáo viên là 1.977.254.405^d. Khoảng thời gian từ tháng 8/2017 đến hết năm 2019 do không khôi phục được dữ liệu trên máy tính nên không có tài liệu để đối chiếu.

Toàn bộ số tiền rút séc tiền mặt từ các khoản nói trên Tín không mở hồ sơ, ghi chép sổ sách. Tuy nhiên, qua điều tra xác định số tiền kê không này cũng

được lấy từ nguồn kê không học viên và học bổng học sinh dân tộc nội trú để chi nên không làm phát sinh tăng thêm kinh phí kê không.

Việc sử dụng tiền kê không: Toàn bộ số tiền 12.640.497.369^d do kê không học viên và học sinh dân tộc nội trú nêu trên được sử dụng chỉ cho các khoản không có trong dự toán, hoặc số dự toán không đủ chi trên thực tế, cụ thể như sau:

- Sử dụng 1.764.726.557^d từ nguồn kê không học bổng học sinh dân tộc nội trú năm 2015 để chi cho một số nội dung không được ngân sách cấp ngoài khoản như: sửa chữa khu hiệu bộ, thuê xe tự lái, trang bị thêm cơ sở vật chất, thiết bị giảng dạy, chi bổ sung phụ cấp ưu đãi nghề;

- Sử dụng 486.066.058^d từ nguồn tiền kê không đào tạo học sinh để chi bổ sung kinh phí hoạt động (chi phí tối thiểu theo biên chế);

- Còn lại 10.389.704.754^d thì Trường sử dụng để chi các nội dung như: Chi thu nhập tăng thêm; chi các ngày lễ, Tết; chi trả tiền dạy thêm giờ vượt định mức của giáo viên; chi quỹ phúc lợi; chi tham quan, học tập kinh nghiệm; chi tiếp khách, quà biếu; chi mua sắm, sửa chữa v.v... Tuy nhiên, đối với các khoản chi tiền lễ, Tết; chi thu nhập tăng thêm; chi quỹ phúc lợi: mặc dù Trường có lập hồ sơ, chứng từ quyết toán nhưng trong đó còn hợp thức kê không để chi cho các khoản không có hóa đơn chứng từ, không ghi chép sổ sách như: tiếp khách, chi quà biếu, ngoại giao nên không thể xác định được số tiền thực tế chi cho từng nội dung cụ thể là bao nhiêu.

Ngoài ra, từ năm 2015 đến 2019, sau khi Trường đã làm thủ tục đề nghị cấp dự toán ngân sách thì vẫn tiếp tục có nhiều học sinh nghỉ học nên thực tế phát sinh giảm kinh phí đào tạo và chi học bổng cho học sinh dân tộc. Theo Sở Tài chính xác định số kinh phí không phát sinh thực tế do học sinh nghỉ học từ năm 2015 đến 2019 là **1.192.668.000^d** (trong đó kinh phí đào tạo là 954.004.000^d, kinh phí chi học bổng là 242.664.000^d). Toàn bộ số tiền này đã được Trường sử dụng chi vào các hoạt động của trường. Số kinh phí đã cấp cho số học sinh nghỉ học sau khi Trường đã làm thủ tục đề nghị cấp dự toán ngân sách không phải là kê không, vì việc học sinh nghỉ học là ngoài khả năng dự kiến của Trường. Do đó, số kinh phí không phát sinh do học sinh nghỉ học không phải là hậu quả của hành vi kê không học viên và không tính vào hậu quả thiệt hại cho ngân sách Nhà nước.

2. Kê không chi lương giáo viên để quyết toán

Quá trình điều tra mở rộng, xác định được từ tháng 01/2010 đến tháng 5/2015, Trường Trung cấp nghề Tôn Đức Thắng do ông Nguyễn Văn Ngọc làm Hiệu trưởng, Nguyễn Trung Tín làm Kế toán trưởng đã có hành vi kê không chi lương giáo viên để quyết toán. Trong quá trình lập hồ sơ, chứng từ chi trả lương và các khoản phụ cấp cho cán bộ, giáo viên, Tín đã kê không thêm 12 người là cán bộ, giáo viên, nhân viên hợp đồng của trường đã nghỉ việc, chuyên công tác trình ông Nguyễn Văn Ngọc ký duyệt để quyết toán không số tiền **2.148.817.678^d**, cụ thể gồm:

STT	HỌ VÀ TÊN	THỜI GIAN CHI KHỔNG	SỐ TIỀN
1	Nguyễn Anh Tuấn	Tháng 01/2010 đến 5/2015	275.819.257 ^d
2	Phạm Văn Hải	Tháng 08/2010 đến 6/2015	276.283.731 ^d
3	Phan Văn Phúc	Tháng 04/2011 đến 5/2015	166.485.656 ^d
4	Trần Duy Đông	Tháng 05/2011 đến 6/2015	244.426.337 ^d
5	Hoàng Thanh Vân	Tháng 05/2011 đến 5/2015	141.723.026 ^d
6	Hồ Thị Thanh	Tháng 08/2011 đến 5/2015	101.406.734 ^d
7	Nguyễn Ngọc Long	Tháng 11/2011 đến 5/2015	199.708.995 ^d
8	Trương Đình Quang	Tháng 01/2012 đến 5/2015	213.126.137 ^d
9	Nguyễn Thị Thùy Tranh	Tháng 01/2012 đến 5/2015	160.804.628 ^d
10	Trần Quang Hậu	Tháng 05/2012 đến 5/2015	197.498.776 ^d
11	Lê Thị Hương	Tháng 10/2012 đến 5/2015	175.216.219 ^d
12	Lê Thúy Vân	Tháng 11/2014 đến 4/2015	12.818.182 ^d

Qua điều tra, Nguyễn Trung Tín khai nhận: Quá trình hoạt động, Trường Trung cấp nghề Tôn Đức Thắng phát sinh rất nhiều chi phí, trong đó có các khoản tiếp khách, ngoại giao nhưng nguồn kinh phí của trường không đủ để bù đắp. Do đó, vào năm 2010, khi có một số cán bộ, giáo viên nghỉ việc, Tín báo cáo đề xuất ông Nguyễn Văn Ngọc là Hiệu trưởng cho để lại danh sách chi lương để lấy kinh phí bù đắp các khoản ngoại giao tiếp khách thì ông Ngọc đồng ý. Sau này khi phát sinh thêm giáo viên nghỉ việc, chuyển công tác thì Tín tiếp tục để tên trong danh sách chi lương để kê khống mà không báo cáo lại cho ông Ngọc. Toàn bộ số tiền kê khống chi lương cho cán bộ, giáo viên nói trên đều được Tín sử dụng chi cho các nội dung không có hóa đơn chứng từ như: Bù đắp chi phí liên hoan, hội nghị, chi tiếp khách, hỗ trợ đi công tác, chi phí thêm cho cán bộ, giáo viên ăn uống khi đi tham quan học tập kinh nghiệm...

Nguyễn Văn Ngọc xác định từ năm 2010 đến 2015, Trường Trung cấp nghề Tôn Đức Thắng có phát sinh việc tiếp khách, ngoại giao hoặc hỗ trợ thêm kinh phí để tổ chức cho cán bộ, giáo viên và thân nhân đi tham quan, nghỉ dưỡng. Tuy nhiên, việc Tín có sử dụng nguồn tiền kê khống chi lương để chi cho các nội dung nói trên hay không thì Ngọc không biết. Ngọc không thừa nhận việc Tín có báo cáo xin ý kiến về việc kê khống chi lương cho giáo viên mà xác định do thiếu trách nhiệm trong việc kiểm tra, ký duyệt hồ sơ, chứng từ nên không phát hiện Nguyễn Trung Tín đã kê khống danh sách chi lương cho những cán bộ, giáo viên đã nghỉ việc, chuyển công tác để quyết toán gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước [BL 476-498- Tập 2; 01-917-Tập 7].

3. Về hậu quả thiệt hại cho ngân sách Nhà nước và trách nhiệm cá nhân từng bị can, đối tượng liên quan đối với hậu quả thiệt hại

Căn cứ kết quả điều tra xác định: số kinh phí kê không chi lương cho giáo viên từ tháng 01/2010 đến tháng 6/2015 gây thiệt hại cho ngân sách là 2.148.817.678^d. Số kinh phí do kê không học viên và học sinh dân tộc nội trú từ năm 2015 đến năm 2019 đã rút dự toán chi sử dụng là 12.640.497.369^d. Như vậy, tổng số tiền kê không gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước là 14.789.315.047^d. Trong đó vai trò, trách nhiệm của từng bị can và đối tượng liên quan đối với số tiền gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước cụ thể như sau:

- Đối với Nguyễn Văn Ngọc: từ tháng 01/2010 đến tháng 6/2015 đã ký duyệt hồ sơ kê không chi lương cho giáo viên số tiền 2.148.817.678^d; Từ tháng 01/2015 đến tháng 6/2015 đã ký duyệt hồ sơ chứng từ rút dự toán, sử dụng số tiền 1.448.536.750^d từ nguồn kê không kinh phí cấp học bổng học sinh dân tộc để chi thu nhập tăng thêm, chi tiền lễ tết cho cán bộ giáo viên. Tổng số tiền gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước mà Nguyễn Văn Ngọc phải chịu trách nhiệm là 3.597.354.428^d.

- Đối với bị can Nguyễn Trung Tín: từ tháng 01/2010 đến tháng 6/2015 Tín đã kê không chi lương cho giáo viên số tiền 2.148.817.678^d; từ năm 2015 đến 2019 Tín đã kê không học viên và học sinh dân tộc hưởng học bổng để quyết toán gây thiệt hại số tiền 12.640.497.369^d. Tổng số tiền Nguyễn Trung Tín kê không gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước là 14.789.315.047^d.

- Đối với bị can Đoàn Thế Nam: Việc lập dự toán, đề nghị cấp dự toán ngân sách năm 2015 do bị can Nguyễn Trung Tín và Nguyễn Văn Ngọc thực hiện từ cuối năm 2014. Đến tháng 07/2015, Đoàn Thế Nam mới được điều động, bổ nhiệm làm Hiệu trưởng. Trong năm 2015, số tiền kê không học bổng học sinh dân tộc nội trú đã được ông Nguyễn Văn Ngọc đã ký duyệt hồ sơ, chứng từ rút dự toán từ tháng 01/2015 đến tháng 6/2015 chi sử dụng số tiền 1.448.536.750^d. Từ tháng 07/2015, Đoàn Thế Nam tiếp tục ký duyệt hồ sơ, chứng từ rút dự toán chi sử dụng kinh phí từ ngân sách đến hết năm tài chính 2015 thì ký báo cáo tài chính đề nghị xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2015, trong đó đề nghị xét duyệt quyết toán toàn bộ số kinh phí kê không cấp học bổng học sinh dân tộc. Do đó, Đoàn Thế Nam phải chịu trách nhiệm và liên đới chịu trách nhiệm đối với toàn bộ số tiền kê không học bổng năm 2015. Việc xây dựng dự toán và báo cáo quyết toán kinh phí từ năm 2016 đến 2019 do Đoàn Thế Nam phụ trách nên phải chịu trách nhiệm. Như vậy, Đoàn Thế Nam phải chịu trách nhiệm đối với tổng số tiền kê không học viên và học sinh dân tộc nội trú để quyết toán gây thiệt hại cho ngân sách là 12.640.497.369^d (gồm 11.191.960.619^d tiền Nam và Tín kê không; số tiền 1.448.536.750^d do Tín và Ngọc kê không rút sau đó được Nam và Tín quyết toán).

- Đối với Lê Thành Trung: Qua điều tra xác định ngoài việc thực hiện kê không 240 học viên khi ký ban hành Quyết định số 367a/QĐ-CDN ngày 31/10/2016 thì Trung không tham gia bàn bạc, thực hiện hành vi kê không học viên lần nào khác. Như vậy, Lê Thành Trung phải chịu trách nhiệm về số tiền kê không 240 học viên là 672.000.000^d.

Kết quả trưng cầu giám định:

Về giám định dữ liệu điện tử:

- Kết luận giám định số 117 ngày 25/02/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước xác định: Đã tìm thấy trên CPU máy tính nhãn hiệu eMaster (thu giữ tại nơi ở của Nguyễn Trung Tín) có các văn bản liên quan đến việc chi tiền cho cán bộ, giáo viên, nhân viên Trường Cao đẳng nghề Bình Phước.

- Kết luận giám định số 43 ngày 08/7/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước xác định: tìm thấy trên 01 máy tính xách tay nhãn hiệu HP (của Lê Thành Trung) có các văn bản Danh sách học sinh thực học từ năm 2015 đến năm 2019; thông kê chứng từ kế toán từ năm 2015 đến 2019.

- Kết luận giám định số 480 ngày 25/4/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước xác định tìm thấy các văn bản trên CPU máy tính nhãn hiệu eMaster (thu giữ tại nơi ở của Nguyễn Trung Tín: Danh sách cán bộ, giáo viên, nhân viên hưởng lương và Danh sách cán bộ hưởng lương (từ tháng 01/2015 đến tháng 10/2015, tháng 12/2015, từ tháng 01/2016 đến tháng 11/2016); Danh sách giáo viên, nhân viên hưởng thêm 25% lương cơ bản (từ tháng 01/2015 đến tháng 10/2015, từ tháng 01/2016 đến tháng 11/2016); Danh sách Giáo viên, nhân viên hưởng lương, Danh sách viên chức hưởng lương (từ tháng 01/2015 đến tháng 10/2015, tháng 12/2015, từ tháng 01/2016 đến tháng 11/2016 và từ tháng 01/2017 đến tháng 4/2017); Danh sách tiền lương (từ tháng 12/2016 đến tháng 07/2017); Bảng thanh toán thu nhập tăng thêm CB, GV, NV và Bảng thanh toán thu nhập tăng thêm GV, NV (từ tháng 01/2015 đến tháng 4/2015, từ tháng 6/2015 đến tháng 9/2015 và từ tháng 11/2015 đến tháng 08/2016); Danh sách công chức viên chức hưởng chế độ phụ cấp thâm niên đối với nhà giáo (từ tháng 01/2015 đến tháng 10/2015, tháng 12/2015 đến tháng 11/2016); Danh sách thu tay Trường Cao đẳng nghề Bình Phước (tháng 12/2015, tháng 01/2016, tháng 4/2016, tháng 6/2016, tháng 8/2016, tháng 10/2016, tháng 11/2016, tháng 3/2017, tháng 4/2017); Danh sách chuyển lương, Danh sách cán bộ, giảng viên, nhân viên được hỗ trợ Tết nguyên đán 2016, Danh sách chuyển tăng thêm thu nhập tháng 02, 03, 04/2016, Danh sách CB, GV, NV được hỗ trợ ngày lễ 02/9/2016, Danh sách truy lãnh lương từ tháng 05 đến tháng 08/2016, Danh sách chuyển tiền lương dư giờ năm 2015-2016, Danh sách chuyển tiền lễ 30/04/2017; Bảng tổng hợp lương CB, GV, NV (từ tháng 01/2015 đến tháng 10/2015, từ tháng 12/2015 đến tháng 07/2017); Bảng tổng hợp lương CB, GV, NV (từ tháng 01/2015 đến tháng 04/2015); Bảng kê rút tiền mặt (từ tháng 12/2015 đến tháng 01/2016, tháng 12/2015, từ tháng 04/2016 đến tháng 06/2016, từ tháng 08/2016 đến tháng 12/2016, từ tháng 03/2017 đến tháng 07/2017); Chi hỗ trợ CB, GV, NV Tết Dương lịch, Tết nguyên đán (năm 2015 đến 2017); Danh sách UBND tỉnh hỗ trợ CN, GV, NV ngày Tết nguyên đán (năm 2015, 2016); Chi hỗ trợ CB, GV, NV ngày lễ Giỗ tổ Hùng Vương 10/3 (năm 2016, 2017); Chi hỗ trợ CB, GV, NV ngày lễ 02/9 năm 2015 và Chi hỗ trợ CB, GV, NV ngày lễ Quốc khánh 02/9 năm 2016; Chi hỗ trợ CB, GV, NV ngày lễ 20/11 (năm 2015, 2015); Danh sách chúc Tết (năm 2015, 2016, 2017);

- Kết luận giám định số 433 ngày 24/4/2023: không tìm thấy các văn bản trong máy tính xách tay (laptop) nhãn hiệu HP Pavilion thu giữ của bị can Nguyễn Trung Tín.

- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bình Phước đã ban hành Quyết định số 85 ngày 27/4/2017 tiếp tục trưng cầu Phân viện Khoa học hình sự Bộ Công an giám định phục hồi, khai thác dữ liệu trên máy tính xách tay (Laptop) của bị can Nguyễn Trung Tín nhưng chưa có kết quả giám định.

Về giám định chữ ký:

Kết luận giám định số 354 ngày 14/4/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Phước xác định:

- Chữ ký ghi họ tên “Nguyễn Văn Ngọc” và “Nguyễn Trung Tín” trên tài liệu chứng từ kế toán trong niên độ từ tháng 01/2010 đến tháng 6/2015 (gồm: Giấy rút dự toán ngân sách chi lương, phụ cấp; chi hỗ trợ lễ tết; chi thu nhập tăng thêm; chi dự giờ cho giáo viên kèm theo Danh sách cán bộ, giáo viên, nhân viên thụ hưởng; Chứng từ rút SEC), là chữ ký của Nguyễn Văn Ngọc và Nguyễn Trung Tín;

- Chữ ký ghi họ tên “Đoàn Thế Nam” trên các tài liệu gồm: Quyết công nhận trúng tuyển số 313 ngày 12/9/2016 kèm theo Danh sách học sinh trúng tuyển; Tờ trình về việc phê duyệt danh sách học sinh, sinh viên kèm theo danh sách học sinh, sinh viên của các năm học: 2015 – 2016, 2016 – 2017, 2017 – 2018, 2018 – 2019 (trừ Danh sách sinh viên lớp kế toán doanh nghiệp và lớp điện công nghiệp); Chứng từ rút SEC trong niên độ từ tháng 7/2015 đến tháng 9/2019; Tờ trình đề nghị bổ sung kinh phí đào tạo là chữ ký của Đoàn Thế Nam;

- Chữ ký ghi họ tên “Nguyễn Trung Tín” trên các tài liệu bảo vệ dự toán là chữ ký của Nguyễn Trung Tín;

- Chữ ký ghi họ tên “Lê Thành Trung”: trên các tài liệu gồm: Quyết định công nhận trúng tuyển số 367a ngày 31/10/2016; Danh sách sinh viên lớp kế toán doanh nghiệp và lớp điện công nghiệp là chữ ký của Lê Thành Trung;

- Chữ ký nháy trên Tờ trình số 197 ngày 14/9/2018 về việc phê duyệt danh sách học sinh, sinh viên là chữ ký của Nguyễn Trung Tín;

- Chữ ký nháy trên các Danh sách học sinh kèm theo Quyết định công nhận trúng tuyển số 313 ngày 12/9/2016 (trừ Danh sách sinh viên lớp kế toán doanh nghiệp và lớp điện công nghiệp) là chữ ký của Lê Thành Trung;

Những nội dung kết luận giám định trên là chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị can Đoàn Thế Nam, Lê Thành Trung và Nguyễn Trung Tín và hành vi sai phạm của ông Nguyễn Văn Ngọc như phần nội dung diễn biến vụ án đã đề cập.

Theo Kết luận giám định tài chính số 2394/STC-VP ngày 21/7/2023 thì phần gây thiệt hại cho Nhà nước trong phần 12.640.497.369 đồng thì chỉ gây thiệt hại cho ngân sách số tiền 10.095.850.132 đồng; phần tiền: sửa chữa công trình của trường 1,789.000.000 đồng; phụ cấp ưu đãi nghề 42.400.000 đồng;

thuê giáo viên thỉnh giảng 703.350.000 đồng; kinh phí còn dư tại kho bạc chưa kịp rút 758.165.631 đồng là tiền chi từ việc lập không chứng từ, nhưng được xem xét theo nguyên tắc có lợi cho các bị cáo tính là không gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước.

Cáo trạng số 23/CT-VKS-P1 ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước đã truy tố các bị cáo Đoàn Thế Nam, Nguyễn Trung Tín bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước truy tố về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo khoản 3 Điều 356 Bộ luật hình sự; bị cáo Lê Thành Trung bị truy tố về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo điểm c khoản 2 Điều 356 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo Nguyễn Trung Tín, Đoàn Thế Nam, Lê Thành Trung hoàn toàn thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo với một mức án thấp nhất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước giữ nguyên quan điểm truy tố như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Đoàn Thế Nam, Nguyễn Trung Tín, Lê Thành Trung phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”;

- Đối với bị cáo Đoàn Thế Nam:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 356; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 54 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, đề nghị HĐXX tuyên phạt bị cáo Đoàn Thế Nam từ 07 (bảy) đến 08 (tám) năm tù giam về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”, khấu trừ đi thời hạn đã tạm giam;

Hình phạt bổ sung: Không

- ***Đối với bị cáo Nguyễn Trung Tín:*** Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 356; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, đề nghị HĐXX tuyên phạt bị cáo Nguyễn Trung Tín từ 10 (mười) đến 11 (mười một) năm tù giam về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”, khấu trừ đi thời hạn đã tạm giam;

Hình phạt bổ sung: Không

- ***Đối với bị cáo Lê Thành Trung:*** Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50, khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, đề nghị HĐXX tuyên phạt bị cáo Lê Thành Trung từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù giam về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”, khấu trừ đi thời hạn đã tạm giam;

Hình phạt bổ sung: Không

Các vấn đề khác đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo Đoàn Thế Nam: Thống nhất về tội danh, mức hình phạt và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đại diện Viện kiểm sát đề nghị và không bổ sung tranh luận gì thêm.

- Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trung Tín: Luật sư thống nhất về tội danh mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị. Tuy nhiên, Luật sư cho rằng bị cáo phạm tội theo sự chỉ đạo của cấp trên đối với cấp dưới. Trong quá trình, điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động gia đình khắc phục một phần hậu quả cho ngân sách Nhà nước; bị cáo là người có thành tích xuất sắc trong công tác; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có 02 con nhỏ. Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và xử phạt bị cáo mức án từ 06 đến 07 năm tù là phù hợp.

- Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Thành Trung:

Luật sư ông Lê Văn Nam: Thống nhất về tội danh và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đại diện Viện kiểm sát đề nghị. Tuy nhiên, về mức hình phạt Luật sư cho rằng là hơi cao nên Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo mức án từ 02 đến 03 năm tù là phù hợp.

Luật sư bà Đỗ Thị Huệ: Thống nhất về tội danh, mức hình phạt và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị. Tuy nhiên, Luật sư có ý kiến tranh luận như sau: Mục đích bị cáo Trung ký Quyết định 367a là để học sinh nhập học cho kịp thời gian chứ không biết là ký để làm thủ tục rút bổ sung ngân sách. Hơn nữa, bị cáo ký Quyết định 367a không gây thiệt hại gì cho ngân sách Nhà nước tại thời điểm bị cáo ký Quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Xét thấy, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại đến việc xét xử, giải quyết vụ án.

Mặt khác, những người này đã có lời khai trong quá trình điều tra, khi cần thiết Hội đồng xét xử sẽ công bố lời khai của họ tại phiên tòa theo Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Trong quá trình điều tra các bị cáo Đoàn Thế Nam, Lê Thành Trung không thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Tại phiên tòa các bị cáo Nam, Tín, Trung hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Bản cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo. Lý do, bị cáo Nam và bị cáo Trung thừa nhận hành vi phạm tội của mình là do trước đây không hiểu biết pháp luật nên các bị cáo không biết hành vi của mình thực hiện như vậy là phạm vào tội gì nhưng tại phiên tòa, sau khi được Hội đồng xét xử xét hỏi công khai, tranh luận các bị cáo đã được Luật sư, đại diện Viện kiểm sát giải thích rõ về hành vi phạm tội của mình nên các bị cáo hoàn toàn nhận thức được các bị cáo đã phạm vào tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.

[4] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với vật chứng đã thu giữ, bản kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Đoàn Thế Nam, Nguyễn Trung Tín và Lê Thành Trung là những người có chức vụ, quyền hạn và có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Vì muốn có thêm tiền kinh phí chi cho các hoạt động của Trường Cao đẳng nghề Bình Phước mà các bị cáo Nam, Trung, Tín đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn thực hiện hành vi kê khống học viên và học sinh dân tộc nội trú hưởng chính sách học bổng để được cấp kinh phí nhiều hơn thực tế phát sinh.

[5] Đoàn Thế Nam là Hiệu trưởng, quản lý và điều hành các hoạt động của Trường theo quy định của pháp luật; Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh, là người ký quyết định công nhận trúng tuyển cho từng học sinh; ký bằng tốt nghiệp, tức biết, nắm rất rõ số lượng đầu ra và kết quả sau đào tạo của từng HSSV; nắm rất rõ các khoản chi của CBNV và chế độ chính sách cho HSSV. Tuy nhiên, để có thêm kinh phí chi cho các hoạt động của trường, bị cáo đã cùng với các nhân viên dưới quyền lợi dụng chức vụ, quyền lập chứng từ kê khống số học sinh thực học và số học sinh dân tộc nội trú được hưởng chính sách học bổng để rút tiền ngân sách Nhà nước. Hành vi của Đoàn Thế Nam đã xâm phạm hoạt động đúng đắn của cơ quan nhà nước, gây thiệt hại cho ngân sách số tiền 10.095.850.132^d.

[6] Nguyễn Trung Tín với vai trò là Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính kiêm Kế toán trưởng, có trách nhiệm tham mưu cho Hiệu trưởng thực hiện đúng quy định của pháp luật về tài chính, kế toán trong việc quản lý, sử dụng và quyết toán nguồn kinh phí hoạt động của nhà trường. Tuy nhiên, vì động cơ muốn có thêm kinh phí chi cho các hoạt động của Trường mà bị cáo Tín đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn để thực hiện hành vi lập khống chứng từ chi lương cho giáo viên (giai đoạn Trường Trung cấp nghề Tôn Đức Thắng) và kê khống học viên và

học sinh dân tộc nội trú được hưởng chính sách học bổng (giai đoạn Trường Cao đẳng nghề Bình Phước), để trình lãnh đạo Trường ký duyệt, rút tiền ngân sách Nhà nước. Hành vi của Nguyễn Trung Tín đã xâm phạm hoạt động đúng đắn của cơ quan nhà nước, gây thiệt hại cho ngân sách số tiền 12.244.667.810^d

[7] Bị cáo Lê Thành Trung với vai trò là Phó Hiệu trưởng từ tháng 10/2016, được giao nhiệm vụ lãnh đạo, điều hành công tác Đào tạo - Tuyển sinh và các nhiệm vụ khác. Trung đã có hành vi ký Quyết định số 367a/QĐ-CDN về việc công nhận trúng tuyển 590 học sinh – nâng không lên 240 HS so với Quyết định 313 công nhận trúng tuyển 329 học viên trong khi Hội đồng không thực hiện tuyển sinh bổ sung, không họp Hội đồng để xét duyệt tuyển sinh đợt 2; biết rõ mục đích ký ban hành Quyết định trúng tuyển là để làm việc với Sở Tài chính làm căn cứ đề nghị bổ sung kinh phí đào tạo 04 tháng cho 240 học sinh tuyển sinh năm học 2016-2017 với số tiền 672.000.000^d. Hành vi của Lê Thành Trung đã xâm phạm hoạt động đúng đắn của cơ quan nhà nước, để tạo điều kiện cho Nam và Tín được cấp dư và sau đó rút không gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước

[8] Như vậy, hành vi trên của các bị cáo Đoàn Thế Nam, Nguyễn Trung Tín đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” quy định tại khoản 3 Điều 356 Bộ luật Hình sự; bị cáo Lê Thành Trung về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” quy định tại khoản 2 Điều 356 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[9] Hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Trung Tín, Đoàn Thế Nam là rất nguy hiểm cho xã hội, hành vi của bị cáo Lê Thành Trung là nguy hiểm cho xã hội. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, vì muốn có thêm tiền kinh phí chi cho các hoạt động của Trường Cao đẳng nghề Bình Phước mà các bị cáo Nam, Trung, Tín đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn thực hiện hành vi kê không học viên và học sinh dân tộc nội trú hưởng chính sách học bổng để được cấp kinh phí nhiều hơn thực tế phát sinh là vi phạm pháp luật; tuy nhiên, các bị cáo vẫn cố ý thực hiện, các bị cáo Nam, Tín phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, bị cáo Trung phạm tội với lỗi cố ý gián tiếp. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan nhà nước, làm cho cơ quan, tổ chức bị suy yếu, mất uy tín, mất lòng tin của nhân dân vào nhà nước. Do vậy, cần phải có một mức hình phạt nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo và công tác phòng ngừa tội phạm nói chung.

[10] Xét về vai trò các bị cáo: Đây là vụ án đồng phạm, nên cần phân tích, đánh giá vai trò của từng bị cáo để đảm bảo cho việc cá thể hóa hình phạt cho từng bị cáo.

[11] Đối với bị cáo Nguyễn Trung Tín là người trực tiếp tham mưu cho bị cáo Đoàn Thế Nam ký các văn bản, tài liệu không; tham mưu cho bị cáo Trung ký QĐ 367a tăng không 240 học sinh trúng tuyển; tham mưu các quy trình rút

tiền không, chi không, quyết toán không chiếm đoạt tiền ngân sách Nhà nước. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội ở cả 02 giai đoạn và bồi thường thiệt hại số tiền nhỏ so với số tiền đã thiệt hại cho ngân sách Nhà nước nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn bị cáo Nam và bị cáo Trung. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi bị bắt đã khai báo rõ sự việc; khắc phục thiệt hại số tiền 500.000.000 đồng; được Ủy ban nhân dân tỉnh tặng bằng khen, nhiều giấy khen thể hiện bị cáo có thành tích xuất sắc trong công tác; là lao động chính trong gia đình, nuôi mẹ già và 02 con nhỏ; có người thân là người có công với cách mạng, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên cần áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để quyết định một mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo.

[12] *Đối với bị cáo Đoàn Thế Nam*, là người chịu trách nhiệm chính cho tất cả những sai phạm khi ký duyệt tất cả các tài liệu không, quyết toán không từ bị cáo Tín tham mưu, soạn thảo gây thiệt hại ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tác động gia đình bồi thường khắc phục toàn bộ thiệt hại do hành vi phạm tội của mình gây ra số tiền 4.547.656.355 đồng; bị cáo có nhiều bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Giấy khen thể hiện bị cáo có thành tích xuất sắc trong công tác; bản thân đang bị bệnh phải điều trị; có người thân là người có công trong kháng chiến được Nhà nước tặng Bằng khen, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên cần áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để quyết định một mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo.

[13] *Đối với các bị cáo Lê Thành Trung* tham gia với vai trò đồng phạm, tạo điều kiện cho Nam và Tín được cấp dư và sau đó rút không gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý gián tiếp gây ra hậu quả rất nghiêm trọng nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với hành vi của mình. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo đã khắc phục toàn bộ thiệt hại cho ngân sách Nhà nước do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra; bị cáo có nhiều bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh, giấy khen thể hiện bị cáo có thành tích xuất sắc trong công tác; bị cáo thực hiện vai trò đồng phạm giúp sức thứ yếu; có người thân là người có công với cách mạng, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên cần áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để quyết định một mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo.

[14] Về tình tiết tăng nặng đối với bị cáo: Các bị cáo Đoàn Thế Nam, Nguyễn Trung Tín phạm tội nhiều lần, mỗi hành vi đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm

tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

[15] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo

[16] Về trách nhiệm dân sự:

[17] Các bị cáo, ông Ngọc phải bồi hoàn toàn bộ số tiền gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước. Cụ thể: Tổng thiệt hại cho ngân sách Nhà nước mà các bị cáo và ông Ngọc gây ra là 12.244.667.810 đồng (gồm kinh phí kê không chi lương cho giáo viên từ tháng 01/2010 đến tháng 6/2015 là 2.148.817.678 đồng. Số kinh phí do kê không học viên và học sinh dân tộc nội trú đã rút dự toán chi sử dụng là 10.095.850.123 đồng).

[18] Trong đó:

Đối với ông Nguyễn Văn Ngọc: Trong thời kỳ ông làm Hiệu trưởng ông và bị cáo Tín đã gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước tổng số tiền là 3.597.354.428 đồng, đây là số tiền mà ông Ngọc và bị cáo Tín cùng gây thiệt hại nên trách nhiệm khắc phục bồi thường là ngang nhau. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra ông Nguyễn Văn Ngọc đã nộp 2.648.817.678 đồng, đồng thời ông Ngọc cam kết sẽ khắc phục hoàn toàn số tiền thiệt hại gây ra trong thời kỳ ông làm Hiệu trưởng là 3.597.354.428^d. Ông Ngọc không yêu cầu bị cáo Tín phải trả lại số tiền mà ông Ngọc đã bỏ ra khắc phục hậu quả cho ngân sách Nhà nước. Xét thấy, đây là số tiền mà ông Ngọc, bị cáo Tín gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước thời kỳ ông làm Hiệu trưởng. Do Cơ quan Cảnh sát điều tra tách hành vi và hồ sơ, tài liệu liên quan đến hành vi của ông Ngọc để tiếp tục điều tra, xử lý. Vì vậy, đối với số tiền mà ông Ngọc đã khắc phục cho ngân sách Nhà nước sẽ được tách ra xem xét trong giai đoạn xử lý đối với ông Ngọc và các đối tượng có liên quan.

[19] Phần bị cáo Đoàn Thế Nam, bị cáo Nguyễn Trung Tín gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước tổng số tiền 9.095.313.382 đồng, số tiền này thì trách nhiệm của bị cáo nam và bị cáo Tín ngang nhau, tức mỗi người phải bồi thường tương ứng 4.547.565.691 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nam đã tác động gia đình khắc phục toàn bộ số tiền 4.547.565.691 đồng. Còn đối với bị cáo Nguyễn Trung Tín trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã tác động gia đình bồi thường số tiền 500.000.000 đồng, số tiền còn lại bị cáo Tín còn phải nộp khắc phục hậu quả là 4.047.565.691 đồng

[20] Đối với bị cáo Lê Thành Trung gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước số tiền 224.000.000 đồng do hành vi phạm tội bị cáo gây ra. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra bị cáo nộp khắc phục 1.000.000.000 đồng nhưng tại phiên tòa bị cáo chỉ đồng ý bồi thường khắc phục số tiền thiệt hại là 224.000.000 đồng và yêu cầu trả lại 776.000.000 đồng. Xét thấy đây là yêu cầu phù hợp với quy định của pháp luật nên cần tuyên trả lại số tiền 776.000.000 đồng cho bị cáo Lê Thành Trung.

[21] Đối với số tiền mà gia đình các bị cáo bỏ ra khắc phục hậu quả cho ngân sách Nhà nước thay cho các bị cáo thì gia đình các bị cáo không yêu cầu các bị cáo phải trả lại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[22] Về xử lý vật chứng:

- Thu giữ tại Kho bạc nhà nước Chơn Thành (đã hoàn trả bản gốc và lưu tài liệu sao y) gồm:

- + Hồ sơ, chứng từ Trường Trung cấp nghề Tôn Đức Thắng chi ngân sách từ năm 2010 đến năm 2014;

- + Hồ sơ, chứng từ Trường Cao đẳng nghề Bình Phước chi ngân sách từ năm 2015 đến năm 2019.

- Thu giữ tại Trường Cao đẳng nghề Bình Phước gồm:

- + Hồ sơ, sổ sách, chứng từ kế toán từ năm 2015 đến 2019;

- + Hồ sơ, tài liệu liên quan đến tổ chức và hoạt động, công tác tuyển sinh từ năm 2015 đến 2019;

- + Sổ lên lớp của các lớp học thuộc các khóa đào tạo từ năm 2015 đến 2019;

- Thu giữ tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Chi nhánh tỉnh Bình Phước và Phòng giao dịch Chơn Thành (đã sao y bản chính và hoàn trả bản gốc):

- + Bản sao kê tài khoản của Trường Cao đẳng nghề Bình Phước mở tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, phòng giao dịch Chơn Thành – Chi nhánh tỉnh Bình Phước;

- + Chứng từ ủy nhiệm chi, chuyển khoản để chi lương, phụ cấp cho giáo viên, cán bộ nhân viên từ năm 2015 đến 2019;

- + Chứng từ rút séc tiền mặt từ năm 2010 đến 2015 của Trường Trung cấp nghề Tôn Đức Thắng.

- + Chứng từ rút séc tiền mặt từ năm 2015 đến 2019 của Trường Cao đẳng nghề Bình Phước.

- Thu giữ tại nơi ở của Nguyễn Trung Tín: 01 CPU máy tính nhãn hiệu eMaster.

- Sở Tài chính cung cấp (bản pho to có đóng dấu giáp lai):

- + Hồ sơ, tài liệu để Trường Cao đẳng nghề Bình Phước xây dựng và bảo vệ dự toán từ năm 2015 đến 2019;

- + Hồ sơ, tài liệu theo dõi việc thẩm định, cấp dự toán ngân sách từ năm 2015 đến 2019 đối với Trường Cao đẳng nghề Bình Phước;

- + Hồ sơ, tài liệu xét duyệt quyết toán ngân sách từ năm 2015 đến 2019 đối với Trường Cao đẳng nghề Bình Phước.

[23] Đối với những tài liệu thu giữ nêu trên, sau khi giám định, đã được sao một bản lưu trong hồ sơ vụ án này để làm chứng cứ. Tài liệu là bản chính được tách ra để làm căn cứ tiếp tục xem xét xử lý trách nhiệm của ông Nguyễn Văn Ngọc – Nguyên Hiệu trưởng Trường Trung cấp nghề Tôn Đức Thắng và

một số cán bộ thuộc Sở Tài chính trong việc thẩm định, tham mưu UBND tỉnh phê duyệt cấp dự toán ngân sách và việc xét duyệt quyết toán ngân sách.

[24] Đối với: 01 máy tính xách tay (laptop) màu trắng bạc nhãn hiệu HP (niêm phong); 01 CPU máy tính nhãn hiệu EMASTER (niêm phong); 01 máy tính xách tay hiệu HP model: 14-CE0027TU số sê ri 5CD842CFQD, gắn kèm ổ cứng SSD hiệu CLORFUL model SL300, dung lượng 128GB, số sê ri S2GU1L315092 (niêm phong), đây là tài sản hợp pháp của Trường Cao đẳng nghề Bình Phước nên cần trả lại cho Trường Cao đẳng nghề Bình Phước là phù hợp

[25] Đối với tài sản bị kê biên: Vào ngày 04/5/2022 Cơ quan CSĐT Công an tỉnh đã ra Lệnh kê biên tài sản số 01/LKB-CSKT đối với bị can Đoàn Thế Nam. Tài sản kê biên là thửa đất số 174, diện tích: 225,9m² (ODT), địa chỉ: Khu tái định cư, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS16009, số phát hành CX869045 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 08/2/2021 để đảm bảo thi hành án. Tuy nhiên, hiện nay bị cáo Nam và gia đình đã bồi thường khắc phục thiệt hại cho ngân sách Nhà nước nên không cần thiết phải kê biên tài sản trên nữa. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần hủy bỏ Lệnh kê biên tài sản số 01/LKB-CSKT ngày 04/5/2022 Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bình Phước đối với tài sản kê biên trên.

- Đối với ông Nguyễn Văn Ngọc - Nguyên Hiệu trưởng Trường Trung cấp nghề Tôn Đức Thắng: Qua điều tra đến nay, các tài liệu chứng cứ thu thập được về vai trò, hành vi sai phạm của ông Ngọc còn phát sinh nhiều mâu thuẫn nên chưa thể xác định tội danh để xem xét xử lý đối với ông Ngọc. Việc điều tra, thu thập chứng cứ để làm rõ vai trò, hành vi sai phạm của ông Ngọc cần thêm nhiều thời gian, tổ chức thực hiện nhiều hoạt động điều tra, nhưng do thời hạn điều tra vụ án đã hết nên không thể thực hiện được. Xét thấy việc tách hồ sơ, tài liệu về hành vi sai phạm của ông Ngọc không làm ảnh hưởng đến việc điều tra, truy tố, xét xử đối với các bị can Đoàn Thế Nam, Lê Thành Trung và Nguyễn Trung Tín. Do đó, Cơ quan CSĐT tách hành vi và hồ sơ, tài liệu liên quan đến hành vi sai phạm của ông Ngọc để tiếp tục điều tra, xử lý.

- Đối với trách nhiệm của một số cán bộ thuộc Sở Tài chính trong việc thẩm định, tham mưu UBND tỉnh phê duyệt cấp dự toán ngân sách và việc xét duyệt quyết toán ngân sách các năm từ 2015 đến 2019 đối với Trường Cao đẳng nghề Bình Phước, đến nay chưa điều tra làm rõ được nên Cơ quan CSĐT tách hành vi và tài liệu có liên quan để tiếp tục điều tra, xử lý.

- Đối với các cán bộ, giáo viên đã tham gia Hội đồng tuyển sinh các năm học từ 2015 đến 2019 gồm các ông/bà: Bùi Xuân Sỹ, Phạm Thị Lương, Nguyễn Thái Quang, Cao Minh Đức, Đỗ Xuân Lợi, Nguyễn Văn Năm, Nguyễn Thành Mười, Trần Dũng, Lê Văn Tuấn, Trần Hiệp, Nguyễn Văn Dung, Nguyễn Văn Cường, Nguyễn Anh Dũng, Nguyễn Văn Thịnh. Qua điều tra xác định: Các Quyết định trúng tuyển các năm học từ 2015 đến 2019 có danh sách kèm theo là phù hợp với biên bản xét tuyển của Hội đồng tuyển sinh hàng năm. Không có

căn cứ xác định các giáo viên này trao đổi, bàn bạc việc kê khống; không tham gia thực hiện việc kê khống học viên và học sinh dân tộc nội trú hưởng chính sách học bổng. Do đó, không có cơ sở xử lý các giáo viên này vai trò đồng phạm với các bị cáo Nam, Trung, Tín về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”, quy định tại Điều 356 Bộ luật Hình sự.

[26] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Bình Phước phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[27] Quan điểm của Luật sư bào chữa cho các bị cáo là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[28] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Về tội danh:* Tuyên bố các bị cáo Đoàn Thế Nam, Nguyễn Trung Tín, Lê Thành Trung phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”;

2. *Về áp dụng điều luật và hình phạt:*

- Căn cứ khoản 3 Điều 356; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 54 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Đoàn Thế Nam 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/11/2021.

Hình phạt bổ sung: Không

- Căn cứ khoản 3 Điều 356; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 54 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung Tín 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/11/2021.

Hình phạt bổ sung: Không

- Căn cứ khoản 2 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50, Điều 54 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Lê Thành Trung 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/11/2021.

Hình phạt bổ sung: Không

3. *Về trách nhiệm dân sự:* Áp dụng Điều 46 và Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 584; Điều 585, Điều 587 của Bộ luật dân sự năm 2015:

Thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 5.271.565.691 đồng mà các bị cáo Đoàn Thế Nam, Nguyễn Trung Tín, Lê Thành Trung đã nộp khắc phục hậu quả theo biên lai thu tiền số 1014 ngày 31/7/2023 của Cục thi hành án Dân sự tỉnh Bình Phước; theo phiếu thu ngày 18/9/2023 (mang tên Nguyễn Thị Thương) của

Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước; theo phiếu thu ngày 18/9/2023 (mang tên Đoàn Nam Thắng) của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Buộc bị cáo Nguyễn Trung Tín bồi thường khắc phục cho ngân sách Nhà nước số tiền 4.047.565.691 đồng.

Trả lại cho bị cáo Lê Thành Trung số tiền 776.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 1014 ngày 31/7/2023 của Cục thi hành án Dân sự tỉnh Bình Phước

Tách số tiền 2.648.817.678 đồng mà ông Nguyễn Văn Ngọc đã nộp khắc phục hậu quả xem xét giải quyết khi làm rõ hành vi của ông Ngọc và các đối tượng liên quan (theo biên lai thu tiền số 1014 ngày 31/7/2023 của Cục thi hành án Dân sự tỉnh Bình Phước)

Hủy bỏ Lệnh kê biên tài sản số 01/LKB-CSKT ngày 04/5/2022 của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bình Phước đối với bị can Đoàn Thế Nam. Tài sản hủy bỏ kê biên là thửa đất số 174, diện tích: 225,9m² (ODT), địa chỉ: Khu tái định cư, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS16009, số phát hành CX869045 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 08/2/2021.

4. *Về xử lý vật chứng vụ án:* Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015, tuyên:

Lưu theo hồ sơ các vật chứng, tài liệu đã được sao y sau:

- Thu giữ tại Kho bạc nhà nước Chơn Thành (đã hoàn trả bản gốc và lưu tài liệu sao y) gồm:

+ Hồ sơ, chứng từ Trường Trung cấp nghề Tôn Đức Thắng chi ngân sách từ năm 2010 đến năm 2014;

+ Hồ sơ, chứng từ Trường Cao đẳng nghề Bình Phước chi ngân sách từ năm 2015 đến năm 2019.

- Thu giữ tại Trường Cao đẳng nghề Bình Phước gồm:

+ Hồ sơ, sổ sách, chứng từ kế toán từ năm 2015 đến 2019;

+ Hồ sơ, tài liệu liên quan đến tổ chức và hoạt động, công tác tuyển sinh từ năm 2015 đến 2019;

+ Sổ lên lớp của các lớp học thuộc các khóa đào tạo từ năm 2015 đến 2019;

- Thu giữ tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Chi nhánh tỉnh Bình Phước và Phòng giao dịch Chơn Thành (đã sao y bản chính và hoàn trả bản gốc):

+ Bản sao kê tài khoản của Trường Cao đẳng nghề Bình Phước mở tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, phòng giao dịch Chơn Thành – Chi nhánh tỉnh Bình Phước;

+ Chứng từ ủy nhiệm chi, chuyển khoản để chi lương, phụ cấp cho giáo viên, cán bộ nhân viên từ năm 2015 đến 2019;

+ Chứng từ rút séc tiền mặt từ năm 2010 đến 2015 của Trường Trung cấp nghề Tôn Đức Thắng.

+ Chứng từ rút séc tiền mặt từ năm 2015 đến 2019 của Trường Cao đẳng nghề Bình Phước.

- Sổ Tài chính cung cấp (bản pho to có đóng dấu giáp lai):

+ Hồ sơ, tài liệu đề Trường Cao đẳng nghề Bình Phước xây dựng và bảo vệ dự toán từ năm 2015 đến 2019;

+ Hồ sơ, tài liệu theo dõi việc thẩm định, cấp dự toán ngân sách từ năm 2015 đến 2019 đối với Trường Cao đẳng nghề Bình Phước;

+ Hồ sơ, tài liệu xét duyệt quyết toán ngân sách từ năm 2015 đến 2019 đối với Trường Cao đẳng nghề Bình Phước.

Trả lại cho Trường Cao đẳng nghề Bình Phước (nay là Trường Cao đẳng Bình Phước): 01 máy tính xách tay (laptop) màu trắng bạc nhãn hiệu HP (niêm phong); 01 CPU máy tính nhãn hiệu EMASTER (niêm phong); 01 máy tính xách tay hiệu HP model: 14-CE0027TU số sê ri 5CD842CFQD, gắn kèm ổ cứng SSD hiệu CLORFUL model SL300, dung lượng 128GB, số sê ri S2GU1L315092 (niêm phong).

5. *Án phí hình sự sơ thẩm*: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Các bị cáo Đoàn Thế Nam, Nguyễn Trung Tín, Lê Thành Trung mỗi bị cáo phải chịu 200.000.000 đồng.

6. *Quyền kháng cáo*: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án này kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND cấp cao tại TP.HCM; (2)
- Viện kiểm sát ND tỉnh Bình Phước; (1)
- CQCSĐT - Công an tỉnh Bình Phước; (1)
- PV 06 Công an tỉnh Bình Phước; (1)
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước; (1)
- Cục Thi hành án DS tỉnh Bình Phước; (1)
- Bị cáo; (1)
- Người bào chữa; (1)
- Trại tạm giam CA tỉnh Bình Phước; (1)
- Đương sự;
- THCTP; Lưu Hồ sơ. (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Nga